

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTM ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Triết học Mác - Lênin
- Tên tiếng anh: Marxist - Leninist philosophy
- Mã học phần: PLO 1001
- Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự học): 03 lý thuyết
- Đối tượng học: Áp dụng cho ngành đào tạo: Dược sĩ (năm thứ 1).
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luyện tốt nghề <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 37 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thảo luận trên lớp: 08 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Bùi Thị Phương Thúy	0989727656	phuongthuy12883.pt@gmail.com
2	Ths. Vũ Thị Huê	0989525368	vuhue081084@gmail.com



3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin. Đồng thời, giúp sinh viên nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong tiết học do C. Mác, Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin; vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay.	[CĐR1]	3
MT2	- Giúp sinh viên hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và trong thực tiễn. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; ý nghĩa phương pháp luận.	[CĐR1]	3
MT3	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; vận dụng ý nghĩa phương pháp luận vào thực tiễn của Việt Nam. Giúp sinh viên nắm được những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc, quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về con người, về ý thức xã hội; sự vận dụng vào cách mạng Việt Nam.	[CĐR1]	3
Kỹ năng			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	- Giúp sinh viên biết vận dụng tri thức đã học làm cơ sở	[CĐR9]	2

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
	cho việc nhận thức những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin; biết đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác - Lênin. Cùng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng.	[CDR10] [CDR11]	
MT5	- Giúp sinh viên biết vận dụng nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nhận thức và thực tiễn. Khẳng định những nền tảng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật biện chứng; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình.	[CDR9] [CDR10] [CDR11]	2
MT6	- Giúp sinh viên biết vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào phân tích sự nhận thức và vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bồi dưỡng lập trường mácxít, cùng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật lịch sử; tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng; đấu tranh với các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	[CDR9] [CDR10] [CDR11]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1 - Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin. Đồng	- CDR1: Trình bày được những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin. Đồng

<p>thời, giúp sinh viên nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác, Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin; vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay.</p>	<p>thời, giúp sinh viên nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác, Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin; vai trò của triết học Mác - Lênin và vận dụng vào đời sống xã hội trong thời đại ngày nay. Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p>
<p>MT2 - Giúp sinh viên hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và trong thực tiễn. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; ý nghĩa phương pháp luận.</p>	<p>- CDR1: Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và trong thực tiễn. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; ý nghĩa phương pháp luận. Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p>
<p>MT3 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; vận dụng ý nghĩa phương pháp luận vào thực</p>	<p>- CDR1 - Trình bày được những kiến thức về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; những quan điểm cơ bản của triết học</p>

<p>tiền của Việt Nam. Giúp sinh viên nắm được những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc, quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về con người, về ý thức xã hội; sự vận dụng vào cách mạng Việt Nam.</p>	<p>Mác - Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc, quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại; Trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về con người, về ý thức xã hội; sự vận dụng vào cách mạng Việt Nam. Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p>
<p>Kỹ năng</p>	
<p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p>	
<p>MT4 - Giúp sinh viên biết vận dụng tri thức đã học làm cơ sở cho việc nhận thức những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin; biết đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác - Lênin. Cùng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng.</p>	<p>- CDR9: Vận dụng được tri thức đã học làm cơ sở cho việc nhận thức những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin; biết đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác - Lênin. Cùng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng. Lập kế hoạch và tham gia vào một số quy trình lập kế hoạch chung của đơn vị, tổ chức làm việc hiệu quả. Có khả năng tiếp nhận, xử lý thông tin và ra quyết định phù hợp, truyền đạt thông tin chính xác, đầy đủ và thuyết phục. Có kỹ năng tự đánh giá, tự học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân. Có khả năng phát hiện một số vấn đề tồn tại trong công việc, đưa ra được ý kiến đề xuất khắc phục.</p> <p>- CDR10: Thường xuyên học tập nâng cao</p>

	<p>trình độ chuyên môn, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.</p> <p>- CDR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược.</p>
<p>MT5 - Giúp sinh viên biết vận dụng nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nhận thức và thực tiễn. Khẳng định những nền tảng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật biện chứng; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình.</p>	<p>- CDR9: Vận dụng được nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nhận thức và thực tiễn. Khẳng định những nền tảng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật biện chứng; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình. Lập kế hoạch và tham gia vào một số quy trình lập kế hoạch chung của đơn vị, tổ chức làm việc hiệu quả. Có khả năng tiếp nhận, xử lý thông tin và ra quyết định phù hợp, truyền đạt thông tin chính xác, đầy đủ và thuyết phục. Có kỹ năng tự đánh giá, tự học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân. Có khả năng phát hiện một số vấn đề tồn tại trong công việc, đưa ra được ý kiến đề xuất khắc phục.</p> <p>- CDR10: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội. Ứng dụng hiệu quả công nghệ</p>

	<p>thông tin, ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.</p> <p>- CDR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược.</p>
<p>MT6 - Giúp sinh viên biết vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào phân tích sự nhận thức và vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bồi dưỡng lập trường mácxít, củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật lịch sử; tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng; đấu tranh với các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.</p>	<p>- CDR9: Vận dụng được những nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào phân tích sự nhận thức và vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bồi dưỡng lập trường mácxít, củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật lịch sử; tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng; đấu tranh với các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Lập kế hoạch và tham gia vào một số quy trình lập kế hoạch chung của đơn vị, tổ chức làm việc hiệu quả. Có khả năng tiếp nhận, xử lý thông tin và ra quyết định phù hợp, truyền đạt thông tin chính xác, đầy đủ và thuyết phục. Có kỹ năng tự đánh giá, tự học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân. Có khả năng phát hiện một số vấn đề tồn tại trong công việc, đưa ra được ý kiến đề xuất khắc phục.</p> <p>- CDR10: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong học tập, nghiên</p>

	<p>cứu và phát triển nghề nghiệp.</p> <p>- CDR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược.</p>
--	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần			
	CDR1	CDR9	CDR10	CDR11
<i>Chương 1:</i> Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin.	3	2	2	2
<i>Chương 2:</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng	3	2	2	2
<i>Chương 3:</i> Chủ nghĩa duy vật lịch sử	3	2	2	2

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

- Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				
	LT	BT/TL/ KT	Tổng cộng		

<p>Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin.</p> <p>1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1. Khái lược về triết học</p> <p>1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p>2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin.</p> <p>2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin.</p> <p>2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>	12		12		[1] trang 11 - 116
<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Vật chất và ý thức</p> <p>1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>1.3. Mỗi quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>2. Phép biện chứng duy vật</p> <p>2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Lý luận nhận thức</p> <p>3.1. Quan điểm về nhận thức trong lịch sử triết học</p> <p>3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>	12	04	16		[1] trang 117 - 283
<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.</p> <p>1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội.</p>	13	04	17		[1] trang 284 - 490

<p>1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.</p> <p>1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên.</p> <p>2. Giai cấp và dân tộc</p> <p>2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>2.2. Dân tộc</p> <p>2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3. Nhà nước và cách mạng xã hội</p> <p>3.1. Nhà nước</p> <p>3.2. Cách mạng xã hội</p> <p>4. Ý thức xã hội</p> <p>4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội.</p> <p>4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội.</p> <p>4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.</p> <p>5. Triết học về con người</p> <p>5.1. Con người và bản chất con người</p> <p>5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người.</p> <p>5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p> <p>5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</p>									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Hà Nội 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999.

2. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Tập bài giảng triết học Mác - Lênin*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999.

3. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2015.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/buổi (04 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	04					
4	04					
5	02			02		
6	02			02		
7	02			02		
8	02			02		
9	04					
10	04					
11	04					
12	01					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1, CDR 9, CDR 10, CDR 11.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 9, CDR 10, CDR 11.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 9, CDR 10, CDR 11.

- Học dựa trên vấn đề: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực, nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 9, CDR 10, CDR 11.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM...

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của
----	-----------	---------------	-------------------	---------

				học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (SV thi trực tiếp tại HV)	100% điểm học phần	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CDR1, CDR9, CDR10, CDR11

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến, Giáo trình, Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến giáo trình cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ môn đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Giáo trình, Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TK Dược

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Quân
Đoàn Cự Long

Đinh Nguyễn An

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: DƯỢC; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Tên tiếng anh: Marxist – Leninist political economy
- Mã học phần: POL 1002
- Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự học): 02 lý thuyết
- Đối tượng học: Áp dụng cho ngành đào tạo: ngành Dược (năm thứ 1).
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin chỉ được học từ sau khi học xong môn Triết học Mác – Lênin. Trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên Lý luận chính trị; là môn học thứ hai của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

- + Nghe giảng lý thuyết: 24
- + Làm bài tập trên lớp: 02
- + Thảo luận trên lớp: 04
- + Hoạt động theo nhóm:
- + Thời gian tự học: 0 giờ
- + Kiểm tra: 0 tiết



- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths.Tương Thị Thắm	0989055525	tuongtham76@gmail.com
2	Ths.Trần Hồng Thanh	0976365787	thanh.hvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	- Trình bày được nội dung cơ bản của đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác Lênin	CDR1 CDR2	2 1
MT2	- Trình bày được nội dung cơ bản của Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	CDR1 CDR2	2 1
MT3	-Trình bày được nội dung cơ bản của Học thuyết giá trị thặng dư, bao gồm: Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	CDR1 CDR2	2 1
MT4	- Trình bày được nội dung của Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Cụ thể: Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.	CDR1 CDR2	2 1
MT5	- Trình bày được nội dung của Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	CDR1 CDR2	2 1
MT6	- Trình bày được nội dung của Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	CDR1 CDR2	2 1

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kỹ năng			
MT7	Hình thành, phát triển tư duy kinh tế, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bản thân	CDR2	1
MT8	Vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng về kinh tế vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống	CDR2	1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT9	Nhận thức được những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học.	CDR11	2
MT10	Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	CDR11	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1- Trình bày được nội dung cơ bản của đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác Lênin	CDR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề

	<p>nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p> <p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>MT2- Trình bày được nội dung cơ bản của Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p>	<p>CĐR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p> <p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>MT3-Trình bày được nội dung cơ bản của Học thuyết giá trị thặng dư, bao gồm: Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.</p>	<p>CĐR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p> <p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>MT4- Trình bày được nội dung của Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Cụ thể: Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.</p>	<p>CĐR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p> <p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>MT5- Trình bày được nội dung của Kinh tế thị trường</p>	<p>CĐR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính</p>

<p>định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p>	<p>sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p> <p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>MT6 -Trình bày được nội dung của Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>	<p>CĐR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.</p> <p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>Kỹ Năng</p>	
<p>MT7. Hình thành, phát triển tư duy kinh tế, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bản thân</p>	<p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>MT8.Vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng về kinh tế vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống</p>	<p>CĐR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả</p>
<p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p>	
<p>MT9. Nhận thức được những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh</p>	<p>CĐR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác sản xuất, nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy</p>

tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học.	trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược
MT10. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	CĐR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác sản xuất, nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần		
	CĐR1	CĐR2	CĐR11
Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT MLN	2	1	
Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	2	1	
Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	2	1	
Chương 4. Cạnh tranh và động quyền trong nền kinh tế thị trường	2	1	
Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	2	1	
Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	2	1	

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

- Môn Kinh tế chính trị Mác Lênin trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học.

- Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

- Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên

- Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				
	LT	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT MLN	3		03		[1] trang 11 - 34
Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	5	1	06		[1] trang 34 – 83
Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	5	2	07		[1] trang 84– 123
Chương 4. Cạnh tranh và động quyền trong nền kinh tế thị trường	3	1	04		[1] trang 124 – 168
Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	4	1	05		[1] trang 199 - 223
Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế	4	1	5		[1] trang 224 - 386

nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam					
-----------------------------------	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

* Sách, giáo trình

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (dành cho bậc đại học – không chuyên Lý luận chính trị), Hà Nội 2019.

* Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và đào tạo; Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.

- Bộ giáo dục và đào tạo; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/buổi (4 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	02			02		
4	04					
5	03		1			
6	02			02		
7	03		1			
8	02					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1, CDR 2.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 2.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 2.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 11 đến CDR 11.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%;

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	100% điểm học phần	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR 1, CĐR 2, CĐR11

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến, Giáo trình, Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến giáo trình cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Giáo trình, Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TK *Đức*

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quyền
Đoàn Công Huy

Đinh Nguyễn An

Đinh Nguyễn An

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược học trình độ Đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chủ nghĩa xã hội khoa học
- * Tiếng Việt: Chủ nghĩa xã hội khoa học
- * Tiếng Anh: Scientific Socialism
- Mã học phần/ mô đun: POL 2003
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mac Lênin, Kinh tế chính trị Mac Lênin
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 25 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	dingnguyenan1181@gmail.com
2	ThS. Lâm Thị Huệ	0988261862	Miakyanh@gmail.com
3	ThS. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	Camtuhvyd@gmail.com
4	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	0989255939	bichngoc708@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm vững những vấn đề lý luận về CNXHKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay	CDR1	3
Kỹ năng			
MT2	Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam	CDR2	1
MT3	Hình thành và vận dụng được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giao tiếp	CDR2	1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có lòng	CDR11	1

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	yêu nước nồng nàn, trung thành với lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.		
MT5	Có niềm tin khoa học vào hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.	CĐR1	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Nắm vững những vấn đề lý luận về CNXHKKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay	CĐR1: Hiểu được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin để vận dụng vào việc thực hiện Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung và công tác phát triển ngành dược nói riêng.
Kỹ năng	
MT2: Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam	CĐR2: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm; có năng lực giải quyết vấn đề một cách độc lập trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
MT3: Hình thành và vận	

dụng được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giao tiếp	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCSVN khởi xướng và lãnh đạo trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay	CDR3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	CDR1	CDR2	CDR11
Chương mở đầu	2	1	1
Chương 1	2	1	1
Chương 2	2	1	1
Chương 3	2	1	1
Chương 4	2	1	1
Chương 5	2	1	1
Chương 6	2	1	1
Chương 7	2	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/K T		Tôn g cộng		
Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	04	00	00		01	00	Đọc trước giáo trình [tr.11-50]
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	04	00	00				Đọc trước giáo trình [tr.51-85]
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	04	00	00				Đọc trước giáo trình [tr.86-124]
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	04	00	00				Đọc trước giáo trình [tr.125-164]
Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	04	00					Đọc trước giáo trình [tr.165-195]
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	08	00					Đọc trước giáo trình [tr.195-238]
Chương 7: Vấn đề	02	00					Đọc trước

gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội							
--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Hà Nội 2019.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac- Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009

2. *Về chủ nghĩa Mác - Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/Buổi (4 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04			00		
2	03			01		
3	03			01		
4	04			00		
5	03			01		
6	03			01		
7	03			01		
8	02			00		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR1; CĐR2; CĐR11

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TK Dược

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quân
Đoàn Công Hùng

Đình Nguyễn An

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HYDHCTVA ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược học trình độ Đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- * Tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- * Tiếng Anh: Ho Chi Minh's thought
- Mã học phần/ mô đun: POL 3004
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 24 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết



+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	0989255939	bichngoc708gmail.com
2	ThS. GVC. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	camtuhvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập TTHCM	CDR1	3
MT2	Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	CDR1	3
MT3	Trình bày được nội dung cơ bản hệ thống quan điểm TTHCM về cách mạng Việt Nam	CDR1	3
Kỹ năng			
MT4	Sinh viên có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá	CDR2	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	trình tu dưỡng bản thân.		
MT5	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn học TTHCM	CĐR2	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	- Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc học tập, nghiên cứu nội dung quan điểm Hồ Chí Minh	CĐR11	1
MT7	Có niềm tin vào con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	CĐR1	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập TTHCM	CĐR1: Hiểu được nội dung cơ bản quan điểm TTHCM, nắm được quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội để vận dụng vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung và công tác phát triển ngành dược nói riêng.
MT2: Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát	

triển TTHCM	
MT3: Trình bày được nội dung cơ bản hệ thống quan điểm TTHCM về cách mạng Việt Nam	
Kỹ năng	
MT4: Sinh viên có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân.	<p>CDR2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề của các môn khoa học chuyên ngành; thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>
MT5: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn học TTHCM	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc học tập, nghiên cứu nội dung quan điểm Hồ Chí Minh	<p>CDR3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.</p>
MT7: Có niềm tin vào con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	CDR1	CDR2	CDR11
Chương 1	2	1	1
Chương 2	2	1	1
Chương 3	2	1	1
Chương 4	2	1	1
Chương 5	2	1	1
Chương 6	2	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần TTHCM trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hệ thống quan điểm TTHCM về con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)		
	LT	TH	BT/TL/K T	Tổng cộng			
Chương 1: Khái niệm, Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn TTHCM	01	00	00		01	00	Đọc trước giáo trình [tr.11-31]

Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	06	00	00				Đọc trước giáo trình [tr.32-72]
Chương 3: TTHCM về độc lập dân tộc và CNXH	06	00	00				Đọc trước giáo trình [tr.73-122]
Chương 4: TTHCM về ĐCSVN và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	05	00	00				Đọc trước giáo trình [tr.123-168)
Chương 5: TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	05	00					Đọc trước giáo trình [tr.169-204]
Chương 6: TTHCM về văn hoá, đạo đức, con người	07	00					Đọc trước giáo trình [tr.205-265]

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội 2019

- Tài liệu tham khảo:

+ Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Hội đồng thi đua - khen thưởng trung ương - ban tư tưởng - văn hóa trung ương (2001),

Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh

+ Trần Đình Ba (2010), Cuộc đời sự nghiệp văn thơ và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh – NXB Thanh Niên

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/Buổi (4 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	04					
4	04					
5	04					
6				04		
7	04					
8	02					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

x Hoạt động nhóm x Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phân biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR1; CĐR2; CĐR11

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

TRƯỞNG KHOA
Nguyễn Văn Quân

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
Đoàn Công Đức

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
Đinh Nguyễn An

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược học trình độ Đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

* Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

* Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**

- Mã học phần/ mô đun: POL 3005

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ 3.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác

- Lênin; Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 24 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị



2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
01	ThS. Lâm Thị Huệ	0988261862	Miakyanh@gmail.com
02	ThS. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	camtuhvyd@gmail.com
03	ThS. Trần Thị Xoa	0974174883	tranquanhoang1906@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
Kiến thức			
MT1	Trình bày được sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam	CĐR1	2
MT2	Trình bày được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam	CĐR1	2
MT3	Trình bày được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng	CĐR1	2
Kỹ năng			
MT4	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về hệ thống đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo cách mạng của Đảng	CĐR2	1
MT5	Vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống	CĐR2	1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng	CĐR1	1
MT7	Tin tưởng vào sự thắng lợi của công	CĐR1	1

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước do Đảng lãnh đạo		
MT8	Góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào trong nhân dân	CDR11	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam	CDR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.
MT2: Trình bày được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam	
MT3: Trình bày được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng	
Kỹ năng	
MT4: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về hệ thống đường	CDR2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả

lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo cách mạng của Đảng	
MT5: Vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng	CDR1: Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân..
MT7: Tin tưởng vào sự thắng lợi của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước do Đảng lãnh đạo	
MT8: Góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào trong nhân dân	CDR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác sản xuất, nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	CDR1	CDR2	CDR11
Chương mở đầu	2	1	1
Chương 1	2	1	1
Chương 2	2	1	1
Chương 3	2	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay, từ đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo trong thực tiễn cách mạng.

Ngoài Chương nhập môn, nội dung môn học được bố cục gồm 3 chương:

- Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
- Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
- Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	TL/KT	Tổng cộng		
<p>Chương nhập môn ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.</p> <p>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Đối tượng nghiên cứu. - Phạm vi nghiên cứu.</p> <p>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng. - Nhiệm vụ của môn học.</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	01	0	01	0	Đọc trước giáo trình

<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp luận. - Các phương pháp cụ thể. 					
<p style="text-align: center;">Chương 1</p> <p style="text-align: center;">ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930- 1945)</p> <p>I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930)</p> <p>1. Bối cảnh lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam. - Tình hình Việt Nam. - Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng. <p>2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị về tư tưởng. - Chuẩn bị về chính trị. - Chuẩn bị về tổ chức. <p>3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tổ chức cộng sản ra đời. - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. <p>4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm ra đời của Đảng. - Ý nghĩa của việc thành lập Đảng. <p>II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền</p> <p>1. Phong trào cách mạng 1930 -</p>	07	02	09	0	Đọc trước giáo trình + chuẩn bị thảo luận

<p>1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong trào cách mạng năm 1930 - 1931 và Luận cương chính trị (10/1930). - Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng. - Đại hội Đảng lần thứ nhất (3/1935). <p>2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng. - Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. - Ý nghĩa của phong trào. <p>3. Phong trào giải phóng dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược của Đảng. - Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang. - Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945. <p>4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng tám năm 1945</p>					
<p style="text-align: center;">Chương 2</p> <p>ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)</p> <p>I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946</p>	08	02	10	0	Đọc trước giáo trình + chuẩn bị thảo luận

<p>- Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám.</p> <p>- Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng.</p> <p>- Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ.</p> <p>2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950</p> <p>- Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng.</p> <p>- Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950.</p> <p>3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1951 đến năm 1954</p> <p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng.</p> <p>- Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1951 đến năm 1954.</p> <p>4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>II. Lãnh đạo xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)</p> <p>1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 - Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc,</p>					
--	--	--	--	--	--

<p>chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954 – 1960.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961 – 1965. 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 - Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng trong giai đoạn mới. - Lãnh đạo xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965 – 1968). - Khôi phục kinh tế, bảo vệ Miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969 – 1975). <p>3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1945 – 1975</p>					
<p style="text-align: center;">Chương 3</p> <p>ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)</p> <p>I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)</p> <p>1. Xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 -1986)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 	08	02	0	10	Đọc trước giáo trình + chuẩn bị thảo luận

<p>IV của Đảng và quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1981).</p> <p>2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982 - 1986)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. - Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế. <p>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)</p> <p>1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986 - 1996)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đổi mới toàn diện. - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (1991 - 1996). <p>2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996 - 2018)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 – 2001). - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2001 – 2006). - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội (2006 - 2011). 					
---	--	--	--	--	--

<p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng.</p> <p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.</p> <p>3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p> <p>- Thành tựu của sự nghiệp đổi mới.</p> <p>- Các hạn chế và nguyên nhân. - Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới.</p>					
--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học – không chuyên Lý luận chính trị), Hà Nội 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), Văn kiện Đảng toàn tập, Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/buổi (04 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	02			02		
4	04					
5	02			02		

6	04					
7	04					
8				02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình : X Động não : X Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn

đề Hoạt động nhóm: X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CDR1; CDR2; CDR11

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TR. Dược

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Quân
Đoàn Cergloray

ĐINH NGUYỄN AN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- * Tiếng Việt: Tiếng Anh 1
- * Tiếng Anh: General English 1
- Mã học phần: ENG 1001
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không có
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: 8 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết
 - + Thời gian tự học:
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Văn Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
MT1 Kiến thức	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ) ở mức độ tiền trung cấp (tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu), kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.	CĐR2	2
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	CĐR10	2
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	CĐR11	1

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1	<p>CDR1: Từ vựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ đề cuộc sống như mối quan hệ gia đình, bạn bè, những kỷ niệm thời học sinh, giáo dục, cơ sở vật chất trường học, nhà ở, nhập cư & di cư, khách sạn, du lịch vũ trụ, thực phẩm; - Gọi tên các danh từ ghép, các dạng động từ, cụm động từ, tính từ đối lập, tính từ và danh từ chỉ tính cách. - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập về từ vựng.
	<p>CDR2: Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt các dạng câu hỏi với động từ TO BE, trợ động từ thường và các câu hỏi có từ để hỏi HOW & WHAT; - Giải thích được cách sử dụng của cấu trúc USED TO; - Phân biệt cách dùng SOME, MANY & MOST; các danh từ đếm được và không đếm được với SOME, ANY & NO; - Phân biệt các loại lượng từ (quantifiers) và các cách dùng tương ứng. - Phân biệt các giới từ về thời gian (prepositions of time) và cách dùng tương ứng. - Nhận biết các thì ở hiện tại trong tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn,; các thì quá khứ: quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; các thì tương lai: tương lai đơn, tương lai gần; cách dùng của thì hiện tại dùng trong các mệnh đề tương lai (câu điều kiện loại I); - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; các từ chỉ định lượng; từ/cụm từ bổ nghĩa; - Phân biệt cách sử dụng dạng động từ khuyết thiếu chỉ sự bắt buộc (modals of obligation) MUST & HAVE TO dùng trong thì hiện tại và thì quá khứ; - Nhận biết các cụm từ kết hợp với GET; - Phân biệt các dạng so sánh bằng/không bằng/ hơn/ kém, và so sánh tuyệt đối; - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.

	<p>CDR3: Ngôn ngữ chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc cuộc gọi điện thoại & lời nhắn qua điện thoại, đề khai thác thêm thông tin về vấn đề quan tâm, đề chỉ đường, kể chuyện, đưa ra lời mời hoặc lời đề nghị, lời yêu cầu và cách thức đáp lại, đưa ra lời khuyên, đề hướng dẫn thực hiện thao tác, diễn đạt sự đồng ý hay không đồng ý về vấn đề gì. - Vận dụng các cách diễn đạt đó để thực hành trong các bài tập về đóng vai tình huống.
	<p>CDR4: Phát âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu. - Phân biệt giọng điệu Anh-Anh và Anh-Mỹ
Kỹ năng	
MT2	<p>CDR5: Kỹ năng nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập về các chủ đề: một gia đình điển hình của Anh, miêu tả bức ảnh, lời nhắn qua điện thoại, kỷ niệm thời học sinh, trường dạy ngôn ngữ, nơi sinh sống, hỏi đường & chỉ đường, miêu tả bộ phim, sắp xếp cuộc đi chơi, chương trình radio về những khách sạn tệ nhất ở Anh, hội thoại tại sân bay, bài phỏng vấn trên đài về chủ đề 'slow food', đặt chỗ tại nhà hàng qua điện thoại...; - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.
	<p>CDR6: Kỹ năng nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hằng ngày: gia đình, bạn bè, hàng xóm, trao đổi qua điện thoại & gửi lời nhắn; kỷ niệm thời đi học, trường học, tình huống bối rối, sống chung căn hộ, nhập cư & di cư, tình yêu, đám cưới, kể lại câu chuyện trong phim, cuộc sống xã hội của các lứa tuổi, du lịch và dịch vụ du lịch, nhà hàng, thực phẩm, ...; - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn và

	<p>thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	<p>CDR7: Kỹ năng đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu về các chủ đề: gia đình, người hàng xóm, quảng cáo trên báo chí, hệ thống giáo dục IRELAND, thảo luận trên internet, lịch sử nhập cư của SCOTLAND, thông tin về các thành phố, các kiểu quan hệ, quan điểm về kết hôn, những ảnh hưởng xấu của ngành du lịch đối với thành phố MACHU PICCHU, các hình thức nghỉ dưỡng, chế độ ăn uống của ELVIS PRESLEY, thói quen ăn uống, thói quen uống cà phê, ...; - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. - Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	<p>CDR8: Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề: tin nhắn cá nhân trên trang web, kể lại câu chuyện, miêu tả về nơi bạn sinh sống, viết email cho người bạn, viết email để sắp xếp một chuyến đi, đánh giá nhận xét về một nhà hàng, ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	<p>CDR9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần								
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
Lesson 1A: Family life	√	√			√	√	√		√
Lesson 1B: Where are they now?	√	√		√	√	√		√	√
Lesson 1C: Neighbours		√		√		√	√		√
Lesson 1D: Making contact			√		√	√	√		√
Lesson 2A: School days	√	√		√	√	√			√
Lesson 2B: Irish schools	√	√		√		√	√	√	√
Lesson 2C: Red faces		√				√	√		√
Lesson 2D: Which school?	√		√		√	√			√
Lesson 3A: Flatmates	√	√		√	√	√			√
Lesson 3B: Migrants		√				√	√	√	√
Lesson 3C: Home town	√	√			√	√			√
Lesson 3D: Lost	√		√	√	√	√			√
Lesson 4A: Relationships		√		√		√	√		√
Lesson 4B: Wedding bells	√	√				√	√	√	√
Lesson 4C: At the movies	√		√	√	√	√			√

Lesson 4D: Going out		√	√		√	√			√
Lesson 5A: Tourist trail	√	√				√	√		√
Lesson 5B: A weekend break	√	√			√	√		√	√
Lesson 5C: Holiday heaven	√			√		√	√		√
Lesson 5D: Planes	√		√	√	√	√			√
Lesson 6A: Junk food	√	√		√		√	√		√
Lesson 6B: Slow food	√	√		√	√	√	√	√	√
Lesson 6C: Coffee break		√				√	√		√
Lesson 6D: Class meal	√		√	√	√	√			√

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh Cơ Bản giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ bậc 3, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24/ 01 /2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó, giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh Cơ Bản giúp sinh viên xây dựng và phát triển năng lực tự định hướng học tiếng Anh của mình để khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về ngôn ngữ, những thành phần cấu thành ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ cũng như những yếu tố quyết định và tác động đến ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, từ đó sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu về ngôn ngữ, và có định hướng trong việc học ngôn ngữ tùy theo mục đích hướng tới của sinh viên trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Nội dung 1: Lesson 1A: Family life Lesson 1B: Where are they now? Lesson 1C: Neighbours Lesson 1D: Making contact	03	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 2: Lesson 2A: School days Lesson 2B: Irish schools Lesson 2C: Red faces Lesson 2D: Which school?	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 3: Lesson 3A: Flatmates Lesson 3B: Migrants Lesson 3C: Home town	03	02	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình,

Lesson 3D: Lost						đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 4: Lesson 4A: Relationships Lesson 4B: Wedding bells Lesson 4C: At the movies Lesson 4D: Going out	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 5: Lesson 5A: Tourist trail Lesson 5B: A weekend break Lesson 5C: Holiday heaven Lesson 5D: Planes	03	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 6: Lesson 6A: Junk food Lesson 6B: Slow food Lesson 6C: Coffee break Lesson 6D: Class meal	02	02	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Philip Kerr (2016). *Straightforward* - Pre-intermediate Student's Book. Macmillan Publishers

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1] Micheal Mc Karthy & Felicity O'Dell. *English Vocabulary in Use (Pre-Intermediate)*. Cambridge University Press.
- [2] Raymond Murphy. *English Grammar in Use*. Cambridge University Press.
- [3] Hewings. *Advanced Grammar in Use*. Cambridge University Press.
- [4] Raymond Murphy. *Essencial Grammar in Use*. Cambridge University Press.
- [5] Jonathan Marks. *English Pronunciation in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press.
- [6] Anna Seaton & Y.H Mew. *Basic English Grammar for English Language Learner*. Saddleback Educational Publishing.
- [7]. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles. *Destination B1-Grammar & Vocabulary with key*. NXB Macmillan.
- [8] Webcode của giáo trình Straightforward.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2		1	1		10
2	2		1	1		10
3	2		1	1		10
4	2		1	1		10
5	2		1	1		10
6	2		1	1		10
7	2		2			
8	1	1				
Tổng	15	1	8	6		60

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Từng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Cơ sở vật chất: Máy chiếu, loa, đài, micro.
- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối

đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Cơ sở vật chất: Máy tính hỗ trợ nghe nhìn, đường truyền internet ổn định.
- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.
- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.
- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.
- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.
- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	30%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CDR1 đến CDR9
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CDR 1 đến CDR 9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá quá trình * 0.3 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TK Dược

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đào Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Anh
Nguyễn Chí Lê

GIÁM ĐỐC
Đào Xuân Cảnh



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 398 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc
Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Tiếng Anh 2
- * Tiếng Anh: General English 2
- Mã học phần: ENG 1002
- Số tín chỉ: 02 (LT)
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: 8 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết
 - + Thời gian tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1 Kiến thức	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ) ở mức độ tiền trung cấp (tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu), kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.	CDR2	2
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	CDR10	2
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	CDR11	1

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1	<p>CDR1: Từ vựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ đề cuộc sống như công việc, chương trình truyền hình, thú cưng, máy tính, thể thao, sức khỏe, quần áo, sắm, kinh doanh, thám hiểm, lễ hội, đất nước và ngôn ngữ, các vấn đề toàn cầu; - Gọi tên các danh từ ghép, các dạng động từ, cụm động từ, tính từ đối lập, tính từ và danh từ chỉ tính cách. - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.
	<p>CDR2: Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân biệt các thì ở hiện tại trong tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành; các thì quá khứ: quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành; các thì tương lai: tương lai đơn, tương lai gần; cách dùng của thì hiện tại dùng trong các mệnh đề tương lai (câu điều kiện loại I); - Phân biệt các thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với hiện tại hoàn thành tiếp diễn; - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; các từ chỉ định lượng; từ/cụm từ bổ nghĩa; - Phân biệt sự khác nhau giữa cách dùng động từ khuyết thiếu will/may/might; maybe/ certainly/definitely/probably để dự đoán khả năng xảy ra của hành động. - Phân biệt cách sử dụng dạng động từ khuyết thiếu chỉ sự bắt buộc (modals of obligation) MUST & HAVE TO dùng trong thì hiện tại và thì quá khứ; - Nhận biết các loại câu chủ động, bị động; - Nhận biết mệnh đề quan hệ xác định; - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.
	<p>CDR3: Ngôn ngữ chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc cuộc gọi điện thoại & lời nhắn qua điện thoại, để khai thác thêm thông tin về vấn đề quan tâm, để chỉ đường, kể chuyện, đưa ra lời mời hoặc lời đề nghị,

	<p>lời yêu cầu và cách thức đáp lại, đưa ra lời khuyên, để hướng dẫn thực hiện thao tác, diễn đạt sự đồng ý hay không đồng ý về vấn đề gì.</p> <p>- Vận dụng các cách diễn đạt đó để thực hành trong các bài tập về đóng vai tình huống.</p>
	<p>CDR4: Phát âm</p> <p>- Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.</p> <p>- Phân biệt giọng điệu Anh-Anh và Anh-Mỹ</p>
Kỹ năng	
MT2	<p>CDR5: Kỹ năng nghe</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập về các chủ đề: cuộc phỏng vấn tại một cơ quan tuyển dụng, chương trình trò chơi truyền hình Star Quest, cách gửi email trên máy tính, chương trình phát thanh về lĩnh vực giải trí ở London, mua vé xem chương trình biểu diễn tại nhà hát, công việc gây căng thẳng, chương trình trên radio về cuộc thi chạy của các VĐV, cuộc hẹn bác sĩ, độc thoại về đồ vật cá nhân, mua bán quần áo, lễ hội, ngôn ngữ tại một bữa tiệc;</p> <p>- Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài.</p> <p>- Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn.</p> <p>- Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.</p>
	<p>CDR6: Kỹ năng nói</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hằng ngày: nghề nghiệp và phẩm chất nghề nghiệp, phim khoa học viễn tưởng, trò chơi truyền hình, mua bán trực tuyến, sử dụng máy tính, hình thức giải trí, chương trình truyền hình thực tế, đi đến rạp chiếu phim, thú cưng, sự căng thẳng trong công việc, thể thao và sức khỏe, đồ vật cá nhân, quần áo & ngoại hình, mua sắm, du lịch thám hiểm, lễ hội, đất nước và ngôn ngữ, các vấn đề toàn cầu;</p> <p>- Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn và thảo luận.</p> <p>- Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	<p>CDR7: Kỹ năng đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu về các chủ đề: công việc, cuộc sống khi thất nghiệp, những lá số tử vi và công việc, chương trình hội thảo về nghiên cứu các vấn đề trong tương lai, một công việc mới, nguồn gốc của chương trình truyền hình thực tế và những vấn đề xung quanh nó, sự đối lập của 2 giải thưởng danh tiếng của điện ảnh thế giới (OSCAR & RASPBERRIES), thái độ của người Mỹ đối với thú cưng, sự căng thẳng trong công việc, sự thành công của một nữ doanh nhân, thám hiểm, nhật ký du lịch, các vấn đề về ngôn ngữ tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế, các vấn đề toàn cầu; - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. - Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	<p>CDR8: Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề: tin nhắn cá nhân trên trang web, kể lại câu chuyện, miêu tả về nơi bạn sinh sống, viết email cho người bạn, viết email để sắp xếp một chuyến đi, đánh giá nhận xét về một nhà hàng, viết thư xin việc, ghi chú hướng dẫn, đánh giá nhận xét về một bộ phim, miêu tả về đồ vật sở hữu yêu thích nhất, bài luận trình bày quan điểm cá nhân (đồng ý hay không đồng ý) về một vấn đề/ quan điểm nào đó...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	<p>CDR9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần								
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
Lesson 7A: Work experience	√	√		√	√	√			√
Lesson 7B: Hard work	√					√	√	√	√
Lesson 7C: Job selection	√	√				√	√		√
Lesson 7D: The recruitment agency	√		√	√	√	√			√
Lesson 8A: The futurological conference		√		√		√	√		√
Lesson 8B: Space tourists	√	√		√	√	√		√	√
Lesson 8C: Great ideas	√	√			√	√	√		√
Lesson 8D: Help!	√		√		√	√			√
Lesson 9A: What's on		√		√	√	√			√
Lesson 9B: Reality TV	√	√				√	√	√	√
Lesson 9C: Oscar™ and raspberries	√	√				√	√		√
Lesson 9D: Box office			√	√	√	√			√
Lesson 10A: Animal lovers		√				√	√		√
Lesson 10B: Stress	√	√				√	√	√	√
Lesson 10C:	√	√		√	√	√			√

Marathon men									
Lesson 10D: Doctor, doctor	√		√	√	√	√			√
Lesson 11A: Things	√	√	√	√	√	√			√
Lesson 11B: Fashion victim	√	√				√	√	√	√
Lesson 11C: Camden Market		√				√	√		√
Lesson 11D: Looking good	√		√	√	√	√			√
Lesson 12A: Around the world	√	√		√	√	√			√
Lesson 12B: Let's dance	√	√				√	√	√	√
Lesson 12C: Global English	√			√		√	√		√
Lesson 12D: Global issues	√		√		√	√			√

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 2 - Tiếng Anh Cơ Bản giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ bậc 3, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24/ 01 /2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó, giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 2 - Tiếng Anh Cơ Bản giúp sinh viên xây dựng và phát triển năng lực tự định hướng học tiếng Anh của mình để khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về ngôn ngữ, những thành phần cấu thành ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ cũng như những yếu tố quyết định và tác động đến ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, từ đó sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu về ngôn ngữ, và có định hướng trong việc học ngôn ngữ tùy theo mục đích hướng tới của sinh viên trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Nội dung 1: Lesson 7A: Work experience Lesson 7B: Hard work Lesson 7C: Job selection Lesson 7D: The recruitment agency	03	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 2: Lesson 8A: The futurological conference Lesson 8B: Space tourists Lesson 8C: Great ideas Lesson 8D: Help!	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 3: Lesson 9A: What's on Lesson 9B: Reality TV Lesson 9C: OscarTM and	03	02	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình,

raspberries Lesson 9D: Box office						đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 4: Lesson 10A: Animal lovers Lesson 10B: Stress Lesson 10C: Marathon men Lesson 10D: Doctor, doctor	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 5: Lesson 11A: Things Lesson 11B: Fashion victim Lesson 11C: Camden Market Lesson 11D: Looking good	03	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 6: Lesson 12A: Around the world Lesson 12B: Let's dance Lesson 12C: Global English Lesson 12D: Global issues	02	02	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Philip Kerr (2016). *Straightforward* - Pre-intermediate Student's Book. Macmillan Publishers

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Micheal Mc Karthy & Felicity O'Dell. *English Vocabulary in Use (Pre-Intermediate)*. Cambridge University Press.

[2] Raymond Murphy. *English Grammar in Use*. Cambridge University Press.

[3] Hewings. *Advanced Grammar in Use*. Cambridge University Press.

[4] Raymond Murphy. *Essencial Grammar in Use*. Cambridge University Press.

[5] Jonathan Marks. *English Pronunciation in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press.

[6] Anna Seaton & Y.H Mew. *Basic English Grammar for English Language Learner*. Saddleback Educational Publishing.

[7]. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles. *Destination B1-Grammar & Vocabulary with key*. NXB Macmillan.

[8] Webcode của giáo trình Straightforward.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2		1	1		10
2	2		1	1		10
3	2		1	1		10
4	2		1	1		10
5	2		1	1		10
6	2		1	1		10
7	2		2			
8	1	1				
Tổng	15	1	8	6		60

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Tùng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Cơ sở vật chất: Máy chiếu, loa, đài, micro.
- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối

- đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
 - ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Cơ sở vật chất: Máy tính hỗ trợ nghe nhìn, đường truyền internet ổn định.
- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.
- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.
- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.
- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	30%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CDR1 đến CDR9
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CDR 1 đến CDR 9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá quá trình * 0.3 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC *TTP* TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN *ds*

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Tuấn
Đoàn Công Hùng

Chule
Nguyễn Chí Lê

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 3**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 3
- * Tiếng Việt: Tiếng Anh 3 (Tiếng Anh chuyên ngành)
- * Tiếng Anh: English for Pharmaceutical Purposes 3
- Mã học phần: ENG 2003
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ hai
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 1,2
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: 8 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
 - + Kiểm tra: 1 tiết
 - + Thời gian tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ



2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Văn Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1 Kiến thức	+ Kiến thức về ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong chuyên ngành dược học ở trình độ trung cấp thông qua các chủ điểm của bài học. + Kiến thức nền về nghề nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các bài viết thực tế về công việc chuyên môn trong lĩnh vực dược học, các kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc chuyên ngành, kiến thức về văn hóa trong cộng đồng và giao tiếp.	CDR2	2
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành dược; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	CDR10	2
MT3 Năng lực	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được	CDR11	1

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
tự chủ và trách nhiệm	giao.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của học phần
	Kiến thức
MT1	<p>CDR1: Từ vựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ điểm thuộc chuyên ngành công nghiệp Dược như tên gọi chức danh nghề nghiệp, khoa phòng, các thành phần hóa học, dạng thuốc, thực hành sản xuất thuốc tốt, an toàn phòng thí nghiệm, các quy trình vận hành tiêu chuẩn, thí nghiệm tiền lâm sàng/lâm sàng, thuốc thực nghiệm, quy định an toàn, quy trình sản xuất và đóng gói sản phẩm dược... - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.
	<p>CDR2: Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các thì hiện tại trong tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn; các thì quá khứ: quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành. - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; các từ chỉ định lượng; từ/cụm từ bỏ nghĩa. - Nhận biết các loại câu chủ động, bị động. - Nhận biết mệnh đề quan hệ xác định. - Nhận biết các loại câu điều kiện loại 1, 2 - Nhận biết loại câu cầu ước, các cách diễn đạt sự giả định. - Nhận biết các câu trực tiếp, gián tiếp. - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết

	<p>thức một bài thuyết trình/báo cáo, cung cấp thông tin, khai thác thông tin và đề xuất, hỏi ý kiến và nêu quan điểm, tóm tắt thông tin, liên kết ý tưởng, miêu tả quy trình, yêu cầu và phản hồi thông tin trực tiếp, nêu câu hỏi trong quá trình kiểm định, gợi ý cách khắc phục, cách thức hướng dẫn, báo cáo các phản ứng nghiêm trọng đến các nhà chức trách, đưa ra lời khuyên, lời cảnh báo...</p> <p>- Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.</p>
	<p>CDR3: Phát âm</p> <p>- Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.</p>
	<p>CDR4: Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>- Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành được học, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành được.</p>
Kỹ năng	
MT2	<p>CDR5: Kỹ năng nghe</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập.</p> <p>- Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài.</p> <p>- Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn.</p> <p>- Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.</p>
	<p>CDR6: Kỹ năng nói</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và thực hiện bài thuyết trình/báo cáo chuyên ngành.</p> <p>- Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn.</p> <p>- Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn.</p> <p>- Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.</p>
	<p>CDR7: Kỹ năng đọc</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành.</p> <p>- Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc</p> <p>- Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	<p>CDR8: Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn ngắn theo chủ đề về lĩnh vực chuyên ngành. - Dịch Anh -Việt, Việt - Anh những tài liệu chuyên ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	<p>CDR9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CDR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<p>Unit 1. The kick-off meeting</p> <p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Job profiles, professions, and departments - New drug development and launches - Cultural differences in marketing drugs and medicine <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Providing information - Introducing oneself, one's field, and projects - Summarizing action points - Writing job ads 	√	√	√	√	√	√	√	√	√
<p>Unit 2. Substance discovery and product development</p>	√	√	√	√	√	√	√	√	√

<p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - A new chemical entity (NCE) - Drug dosage forms Categories of drugs <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Asking about drug discovery and drug development - Talking about time periods - Asking for and giving opinions 									
<p>Unit 3. Quality assurance and auditing</p> <p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Good pharmaceutical industry practice (GxP) - Quality assurance audits Laboratory safety systems Standard operating procedures <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Informing - Asking questions during an audit - Suggesting corrective action - Discussing SOPs 	√	√		√	√	√	√	√	√

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 3 - Tiếng Anh Chuyên Ngành là học phần bắt buộc tiếp theo (sau các học phần Tiếng Anh 1 & 2 - Tiếng Anh cơ bản) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 2 tín chỉ, tương đương 30 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành dược, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).

Học phần Tiếng Anh 3 - Tiếng Anh Chuyên Ngành Dược được xây dựng với 3 nội dung chính nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành Dược, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết

trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình.

Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 3 - Tiếng Anh Chuyên Ngành giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	
	GIỜ LÊN LỚP			KTr		Tự học
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Unit 1. The kick-off meeting TOPICS: <ul style="list-style-type: none"> - Job profiles, professions, and departments - New drug development and launches - Cultural differences in marketing drugs and medicine USEFUL LANGUAGE AND SKILLS: <ul style="list-style-type: none"> - Providing information - Introducing oneself, one's field, and projects - Summarizing action points - Writing job ads 	5	2	2		20	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 2. Substance discovery and product development	5	3	2		20	Nghe giảng, thảo luận và làm việc

<p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - A new chemical entity (NCE) - Drug dosage forms <p>Categories of drugs</p> <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Asking about drug discovery and drug development - Talking about time periods - Asking for and giving opinions 						<p>nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>Unit 3. Quality assurance and auditing</p> <p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Good pharmaceutical industry practice (GxP) - Quality assurance audits - Laboratory safety systems - Standard operating procedures <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Informing - Asking questions during an audit - Suggesting corrective action - Discussing SOPs 	5	3	2	1	20	<p>Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Tổng	15	8	6	1	60	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

[1] Michaela Buchler, Kathy Jaehnig, Gloria Matzig & Tanya Weindler (2014). *English for Pharmaceutical Industry*. Oxford University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). *Professional English in use – Medicine*. NXB Đồng Nai.

[2]. Eric H. Glendinning, Beverly A.S. Holmstrom (2007). *English in Medicine* (Trần Phương Hạnh dịch và chú giải). NXB TP HCM.

[3]. Nguyễn Trung Tánh (2014). *Practical English for Medical Personnel*. NXB Thời Đại.

[4]. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[5]. Martin Milner. *English for Health Sciences*. Thomson Press.

[6]. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

[7]. Eric H. Glendinning (2005). *English in Medicine: A Course in Communication Skills* 3rd. Cambridge University Press.

[8]. Rawdon Wyatt (2006). *Check Your English Vocabulary for Medicine* 3rd. A&C Black.

[9]. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2		1	1		10
2	2		1	1		10
3	2		1	1		10
4	2		1	1		10
5	2		1	1		10
6	2		1	1		10
7	2		2			
8	1	1				
Tổng	15	1	8	6		60

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình <input checked="" type="checkbox"/>	Động não <input checked="" type="checkbox"/>	Từng cặp /Chia sẻ <input checked="" type="checkbox"/>
Học dựa trên vấn đề <input checked="" type="checkbox"/>	Hoạt động nhóm <input checked="" type="checkbox"/>	Đóng vai <input checked="" type="checkbox"/>
Học dựa vào dự án <input checked="" type="checkbox"/>	Mô phỏng <input checked="" type="checkbox"/>	Nghiên cứu tình huống <input checked="" type="checkbox"/>
Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập <input type="checkbox"/>		

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Cơ sở vật chất: Máy chiếu, loa, đài, micro.
- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Cơ sở vật chất: Máy tính hỗ trợ nghe nhìn, đường truyền internet ổn định.
- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.
- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.
- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.
- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	30%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CDR1 đến CDR9
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ	CDR1 đến CDR9

			pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi	
--	--	--	---	--

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá quá trình * 0.3 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt. ✓

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC *Tie-Diuk* **TRƯỜNG KHOA**

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Cảnh
Đoàn Công Trung

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chul
Nguyễn Chí Sĩ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 4
- * Tiếng Việt: Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành)
- * Tiếng Anh: English for Pharmaceutical Purposes 4
- Mã học phần: ENG 2004
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ hai
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 1,2,3

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: 8 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết

+ Kiểm tra: 1 tiết

+ Thời gian tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ



2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1 Kiến thức	+ Kiến thức về ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong chuyên ngành dược học ở trình độ trung cấp thông qua các chủ điểm của bài học. + Kiến thức nền về nghề nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các bài viết thực tế về công việc chuyên môn trong lĩnh vực dược học, các kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc chuyên ngành, kiến thức về văn hóa trong cộng đồng và giao tiếp.	CDR2	2
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành dược; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	CDR10	2
MT3 Năng lực	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được	CDR11	1

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
tự chủ và trách nhiệm	giao.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của học phần
	Kiến thức
MT1	<p>CDR1: Từ vựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ điểm thuộc chuyên ngành công nghiệp Dược như tên gọi chức danh nghề nghiệp, khoa phòng, các thành phần hóa học, dạng thuốc, thực hành sản xuất thuốc tốt, an toàn phòng thí nghiệm, các quy trình vận hành tiêu chuẩn, thí nghiệm tiền lâm sàng/lâm sàng, thuốc thực nghiệm, quy định an toàn, quy trình sản xuất và đóng gói sản phẩm dược... - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.
	<p>CDR2: Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các thì hiện tại trong tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn; các thì quá khứ: quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành. - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; các từ chỉ định lượng; từ/cụm từ bổ nghĩa. - Nhận biết các loại câu chủ động, bị động. - Nhận biết mệnh đề quan hệ xác định. - Nhận biết các loại câu điều kiện loại 1, 2 - Nhận biết loại câu cầu ước, các cách diễn đạt sự giả định. - Nhận biết các câu trực tiếp, gián tiếp. - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết

	<p>thức một bài thuyết trình/báo cáo, cung cấp thông tin, khai thác thông tin và đề xuất, hỏi ý kiến và nêu quan điểm, tóm tắt thông tin, liên kết ý tưởng, miêu tả quy trình, yêu cầu và phản hồi thông tin trực tiếp, nêu câu hỏi trong quá trình kiểm định, gợi ý cách khắc phục, cách thức hướng dẫn, báo cáo các phản ứng nghiêm trọng đến các nhà chức trách, đưa ra lời khuyên, lời cảnh báo...</p> <p>- Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.</p>
	<p>CDR3: Phát âm</p> <p>- Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.</p>
	<p>CDR4: Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>- Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành được học, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành được.</p>
Kỹ năng	
MT2	<p>CDR5: Kỹ năng nghe</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập.</p> <p>- Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài.</p> <p>- Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn.</p> <p>- Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.</p>
	<p>CDR6: Kỹ năng nói</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và thực hiện bài thuyết trình/báo cáo chuyên ngành.</p> <p>- Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn.</p> <p>- Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn.</p> <p>- Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.</p>
	<p>CDR7: Kỹ năng đọc</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành.</p> <p>- Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc</p> <p>- Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	<p>CDR8: Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn ngắn theo chủ đề về lĩnh vực chuyên ngành. - Dịch Anh -Việt, Việt - Anh những tài liệu chuyên ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	<p>CDR9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CDR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<p>Unit 4. Ready for testing in live organisms</p> <p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Preclinical testing Clinical testing - Dealing with authorities - Experimental drugs on trial <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Describing a process - Getting Information - Making suggestions - Linking ideas Requesting information and responding directly 	√	√		√	√	√	√	√	√
<p>Unit 5. Drug safety and regulatory affairs</p> <p>TOPICS:</p>	√	√	√	√	√	√	√	√	√

<ul style="list-style-type: none"> - Pharmacovigilance - Regulatory documentation - Patient information - Counterfeit medicines <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Reporting severe adverse events - Discussing the causes of SAEs - Asking about implications for a drug - Giving general advice - Giving strong warnings 									
<p>Unit 6. Production and packaging</p> <p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Safety requirements - Production processes - Packaging challenges <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Expressing moments in time - Giving Instructions - Describing a process - Giving presentations 	√	√	√	√	√	√	√	√	√

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 4 - Tiếng Anh Chuyên Ngành là học phần bắt buộc tiếp theo (sau các học phần Tiếng Anh 3 - Tiếng Anh Chuyên Ngành) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 2 tín chỉ, tương đương 30 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành dược, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).

Học phần Tiếng Anh 4 - Tiếng Anh Chuyên Ngành Dược được xây dựng với 3 nội dung chính nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành Dược, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành

bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình.

Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 4 - Tiếng Anh Chuyên Ngành giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	
	GIỜ LÊN LỚP			KTr		Tự học
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Unit 4. Ready for testing in live organisms TOPICS: <ul style="list-style-type: none"> - Preclinical testing - Clinical testing - Dealing with authorities - Experimental drugs on trial USEFUL LANGUAGE AND SKILLS: <ul style="list-style-type: none"> - Describing a process - Getting Information - Making suggestions - Linking ideas - Requesting information and responding directly 	5	3	2		20	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 5. Drug safety and regulatory affairs TOPICS: <ul style="list-style-type: none"> - Pharmacovigilance 	5	3	2		20	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình,

<ul style="list-style-type: none"> - Regulatory documentation - Patient information - Counterfeit medicines <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Reporting severe adverse events - Discussing the causes of SAEs - Asking about implications for a drug - Giving general advice <p>Giving strong warnings</p>						đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>Unit 6. Production and packaging</p> <p>TOPICS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Safety requirements - Production processes - Packaging challenges <p>USEFUL LANGUAGE AND SKILLS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Expressing moments in time - Giving Instructions - Describing a process - Giving presentations 	5	2	2	1	20	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Tổng	15	8	6	1	60	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

[1] Michaela Buchler, Kathy Jaehnig, Gloria Matzig & Tanya Weindler (2014). *English for Pharmaceutical Industry*. Oxford University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). *Professional English in use – Medicine*. NXB Đồng Nai.
- [2]. Eric H. Glendinning, Beverly A.S. Holmstrom (2007). *English in Medicine* (Trần Phương Hạnh dịch và chú giải). NXB TP HCM.
- [3]. Nguyễn Trung Tánh (2014). *Practical English for Medical Personnel*. NXB Thời Đại.
- [4]. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5]. Martin Milner. *English for Health Sciences*. Thomson Press.
- [6]. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.
- [7]. Eric H. Glendinning (2005). *English in Medicine: A Course in Communication Skills* 3rd. Cambridge University Press.
- [8]. Rawdon Wyatt (2006). *Check Your English Vocabulary for Medicine* 3rd. A&C Black.
- [9]. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2		1	1		10
2	2		1	1		10
3	2		1	1		10
4	2		1	1		10
5	2		1	1		10
6	2		1	1		10
7	2		2			
8	1	1				
Tổng	15	1	8	6		60

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Từng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Cơ sở vật chất: Máy chiếu, loa, đài, micro.
- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Cơ sở vật chất: Máy tính hỗ trợ nghe nhìn, đường truyền internet ổn định.
- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.
- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.
- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.
- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	30%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CDR1 đến CDR9
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.	CDR1 đến CDR9

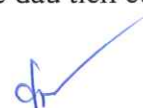
			- Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi	
--	--	--	---	--

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá quá trình * 0.3 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt. 

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC *TTC Dược* **TRƯỞNG KHOA**
(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Cảnh
Đậu Xuân Cảnh

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chule
Nguyễn Chí Lễ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành)
Tin học đại cương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ Đại học, **Mã số đào tạo:** 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học đại cương
- * Tiếng Việt: Tin học đại cương
- * Tiếng Anh: General Informatics
- Mã học phần/ mô đun: INT 1001
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất (I)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không có
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Tổ Tin học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
4.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	- Kiến thức Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office	CĐR10	2
G2	- Kỹ năng Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên	CĐR2, CĐR7, CĐR8	1

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<p>mạng Internet và các tiện ích có liên quan.</p> <p>Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến.</p> <p>Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Excel.</p>	CDR9	2
		CDR10	3
G3	<p>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm</p> <p>Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống.</p>	CDR 11	1
		CDR 10	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Phân biệt được sự khác nhau giữa phần mềm và phần cứng máy tính; phần mềm ứng dụng và phần mềm hệ thống; các thiết bị máy tính và thiết bị mạng cơ bản; mạng máy tính nội bộ (LAN) và mạng Internet.	CDRtđc1: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, thiết thực về Công nghệ thông tin, hệ điều hành, một số khái niệm quản trị mạng.
MT2: Biết cách trình bày văn bản theo một số qui chuẩn cơ bản trong chương trình soạn thảo Winword 2016.	CDRtđc2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ phần mềm ứng dụng văn phòng Office

MT3: Hiểu các cách trình bày, qui định một đề tài hoặc báo cáo trong Power Point.	
MT4: Hiểu được cách làm việc, quản trị một vài chức năng cơ sở dữ liệu và các công thức cơ bản trong chương trình Excel 2016.	
Kỹ năng	
MT5: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục được những lỗi cơ bản liên quan đến phần mềm và phần cứng máy tính;	CDRtđc3: Sinh viên có thể thao tác được các kỹ năng cài đặt, sử dụng hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; sửa chữa, khắc phục một số lỗi thường gặp của máy tính và khai thác mạng máy tính, Internet để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
MT6: Khai thác, sử dụng được mạng Internet trong việc tìm kiếm, khai thác thông tin y tế và sử dụng thư điện tử; Sử dụng thành thạo email trong công việc: trao đổi công việc, marketing, ...	
MT7: Có kỹ năng sử dụng gõ 10 ngón trên bàn phím và thao tác được quy trình soạn thảo văn bản trong Winword.	CDRtđc4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
MT8: Thực hiện được các thao tác tạo slide, trình chiếu, các hiệu ứng... của chương trình Power Point.	
MT9: Thực hiện được các phép tính toán cơ bản của chương trình Excel	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT10: Giúp Sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu	CDRtđc5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống
MT11: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào	

cuộc sống	
-----------	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐRtdc1	CĐRtdc2	CĐRtdc3	CĐRtdc4	CĐRtdc5
1. Kiến thức chung về CNTT	2		2		2
2. Hệ điều hành Window 7	2		3		2
3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	2		3		3
4. Chương trình Microsoft Word		2		3	3
5. Chương trình Microsoft Powerpoint		2		2	2
6. Chương trình Microsoft Excel		2		2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Kiến thức chung về CNTT	01		<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 01-19</i>
2. Hệ điều hành Window 7	02		<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 20-46, BTHH: bài tập 1,2 trang 1 trong sách BTHH</i>
3. Mạng lan - Internet- Thư	01		<i>quyển Tin học ĐC, trang 46-80,</i>

điện tử			<i>BTTH: bài tập 1,2 trang 2 trong sách BTTH</i>
4. Chương trình Microsoft Word	10		<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 81-154, BTTH: bài tập 1-17, trang 3-19 sách BTTH</i>
5. Chương trình Microsoft Powerpoint		02	<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 154-200</i>
6. Chương trình Microsoft Excel	14		<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 201-241, BTTH: bài tập 1-20, trang 20-40 sách BTTH</i>

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Tin học, *Giáo trình Tin học đại cương*, Học viện Y – dược học cổ truyền VN, (Lưu hành nội bộ).

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. *Giáo trình IC3 – Máy tính căn bản*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Website: <https://www.giaiphapexcel.com>

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	08					
2	08					
3	08					
4	06					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 5

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để bộ phần mềm office16 hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: Chuẩn bị các bài tập theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100 %; các bài thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CDR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Thực hành trên máy tính	3/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CDR3, CDR4

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC *TK Dược* **TRƯỜNG KHOA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn
Đào Công Huy

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Phí Văn Phương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

Tin học đại cương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ Đại học, **Mã số đào tạo:** 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học đại cương
- * Tiếng Việt: Tin học đại cương
- * Tiếng Anh: General Informatics
- Mã học phần/ mô đun: INT 1001
- Số tín chỉ: 2(1.0LT/1.0TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất (I)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không có
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ



- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Tổ Tin học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
4.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
G1	- Kiến thức Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office	CĐR10	2
G2	- Kỹ năng Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên	CĐR2, CĐR7, CĐR8	1

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<p>mạng Internet và các tiện ích có liên quan. Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến. Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Excel.</p>	CDR9	2
		CDR10	3
G3	<p>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống.</p>	CDR 11	1
		CDR 10	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
<p>MT1: Phân biệt được sự khác nhau giữa phần mềm và phần cứng máy tính; phần mềm ứng dụng và phần mềm hệ thống; các thiết bị máy tính và thiết bị mạng cơ bản; mạng máy tính nội bộ (LAN) và mạng Internet.</p>	<p>CDRtdc1: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, thiết thực về Công nghệ thông tin, hệ điều hành, một số khái niệm quản trị mạng.</p>
<p>MT2: Biết cách trình bày văn bản theo một số qui chuẩn cơ bản trong chương trình soạn thảo Winword 2016.</p>	<p>CDRtdc2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ phần mềm ứng dụng văn phòng Office</p>

MT3: Hiểu các cách trình bày, qui định một đề tài hoặc báo cáo trong Power Point.	
MT4: Hiểu được cách làm việc, quản trị một vài chức năng cơ sở dữ liệu và các công thức cơ bản trong chương trình Excel 2016.	
Kỹ năng	
MT5: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục được những lỗi cơ bản liên quan đến phần mềm và phần cứng máy tính;	CĐRtđc3: Sinh viên có thể thao tác được các kỹ năng cài đặt, sử dụng hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; sửa chữa, khắc phục một số lỗi thường gặp của máy tính và khai thác mạng máy tính, Internet để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
MT6: Khai thác, sử dụng được mạng Internet trong việc tìm kiếm, khai thác thông tin y tế và sử dụng thư điện tử; Sử dụng thành thạo email trong công việc: trao đổi công việc, marketing, ...	
MT7: Có kỹ năng sử dụng gõ 10 ngón trên bàn phím và thao tác được quý trình soạn thảo văn bản trong Winword.	CĐRtđc4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
MT8: Thực hiện được các thao tác tạo slide, trình chiếu, các hiệu ứng... của chương trình Power Point.	
MT9: Thực hiện được các phép tính toán cơ bản của chương trình Excel	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT10: Giúp Sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu	CĐRtđc5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống
MT11: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào	

cuộc sống	
-----------	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CDRtđc1	CDRtđc2	CDRtđc3	CDRtđc4	CDRtđc5
1. Kiến thức chung về CNTT	2		2		2
2. Hệ điều hành Window 7	2		3		2
3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	2		3		3
4. Chương trình Microsoft Word		2		3	3
5. Chương trình Microsoft Powerpoint		2		2	2
6. Chương trình Microsoft Excel		2		2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

TT	Tên bài	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	TH	BT/T L/KT	Tổng cộng		
I	Kiến thức chung về công nghệ thông tin	1 tiết	0 tiết				
1	Khái niệm					Đọc quyển Tin học ĐC,	
2	Vai trò CNTT - Vai trò của công nghệ thông tin trong sự phát triển xã hội.						

	- Tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục							trang 1-11, BTTH:
3	Cuộc sống số - Thư điện tử - Mạng xã hội - Truyền thông và họp trực tuyến - Quản lý - Lưu trữ và chia sẻ tài nguyên							
4	Cách mạng 4.0 - Lịch sử các cuộc cách mạng - Cách mạng công nghiệp 4.0							
5	Máy tính và công nghệ thông tin - Định nghĩa - Sơ đồ khối của máy tính - Các đơn vị đo thông tin. - Một số khái niệm sử dụng trong lĩnh vực Công nghệ thông tin							Độc quyền Tin học ĐC, trang 11-19
6	Một số lỗi thường gặp và biện pháp khắc phục. - Hiện tượng máy treo - Hiện tượng khởi động máy kêu bíp dài							
7	Virus tin học							
II	Hệ điều hành Window 7	2 tiết	3 tiết					
1	Hệ điều hành Windows 7 và các thế hệ điều hành Windows. - Hệ điều hành Windows 7. - Các thế hệ điều hành Windows							Độc quyền Tin học ĐC, trang 20-46, BTTH: bài tập 1,2 trang 1 trong sách BTTH
2	Các tính năng căn bản của Windows 7 - Màn hình Windows 7. - Một số ứng dụng cơ bản của Menu Start. - Một số ứng dụng của thanh Taskbar: - Một số ứng dụng của Gadget Desktop - Một số ứng dụng của Window Explorer - Một số ứng dụng của control panel - Chỉnh sửa ngày giờ hệ thống							
3	Làm việc với tệp tin và thư mục.							

	<ul style="list-style-type: none"> - Cách tạo thư mục - Các thao tác cơ bản thư mục 						
4	<p>Một số ứng dụng cơ bản của windows:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính toán. - Paint - Snipping Tool - Sticky Notes - Magnifier ... 						
III	Mạng lan - Internet- Thư điện tử	1 tiết	3 tiết				
1	<p>Mạng lan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa mạng LAN. - Địa chỉ IP. - Kiểm tra Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan 						<p><i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 46-80, BTTH: bài tập 1,2 trang 2 trong sách BTTH</i></p>
2	<p>Internet</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan - Một số trình duyệt web - Các ứng dụng trên Web - Các trang mạng xã hội - Google 						
3	<p>Thư điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn tạo tài khoản Gmail - Nhập thông tin vào trang đăng kí - Tạo hồ sơ và truy cập tới Gmail 						
IV	Giới thiệu về microsoft word	4 tiết	8 tiết				
1	<p>Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao diện Word 2016. - Làm việc một cách nhanh chóng với Tell Me - Làm việc với nhau trong thời gian thực - Tra cứu thông minh 						<p><i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 81-96, BTTH:</i></p>
2	Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016						
3	Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản						<p><i>Đọc</i></p>
	- Soạn thảo văn bản						

	<ul style="list-style-type: none"> - Định dạng văn bản - Tìm kiếm và thay thế văn bản <ul style="list-style-type: none"> + Tìm và thay thế văn bản + Tìm và tô sáng đoạn văn bản tìm được + Tìm và thay thế những định dạng đặc biệt - Thực hiện chèn các đối tượng: <ul style="list-style-type: none"> + Chèn các ký tự đặc biệt và công thức toán học + Chèn tại nội dung văn bản + Chèn tại vị trí đầu và cuối của văn bản + Chèn nội dung minh họa cho văn bản + Chèn bảng và các định dạng trong bảng - Định dạng trang văn bản <ul style="list-style-type: none"> + Các hiệu ứng với nền trang văn bản + Các hiệu ứng với trang văn bản 						<i>quyển Tin học ĐC, trang 97-154, BTTH: bài tập 1-17, trang 3-19 sách BTTH</i>
V	Chương trình microsoft powerpoint 2016	2 tiết	4tiết				
1	Giới thiệu và những thiết lập cơ bản <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình khởi động - Lựa chọn Slide Size cho Precentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon 						<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 154-180</i>
2	Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio						<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 181-200</i>
3	Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt						
4	Sử dụng hình vẽ						

5	Sử dụng Slide Master							
6	Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide							
7	Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger							
8	Sử dụng Note trong trình chiếu							
9	Một số thao tác trình chiếu PowerPoint							
10	Lưu văn bản và in văn bản							
VI	Chương trình Excel 2016	5 tiết	12 tiết					
1	Giới Thiệu Chương Trình Excel							
2	Làm việc với excel							
3	Làm việc với dữ liệu trong excel							
4	Định dạng <ul style="list-style-type: none"> - Định dạng chung - Sử dụng Wrap Text - Định dạng khung (border) - Hiệu ứng tô nền ô (Fill effect) 						<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 201-241, BTTH: bài tập 1- 20, trang 20-40 sách BTTH</i>	
5	Tìm và thay thế dữ liệu							
6	Sắp xếp và lọc dữ liệu							
7	Giới thiệu và sử dụng các hàm <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu công thức và hàm - Một số hàm thường dùng trong excel: Hàm ngày tháng Hàm ký tự. Hàm toán học Hàm Logic Hàm thống kê Hàm Tìm kiếm và Tham chiếu 							
8	Khai thác cơ sở dữ liệu <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp và lọc dữ liệu trong excel - Đồ thị trong excel - Định dạng trang và in bảng tính 							
Tổng số		15 tiết	30 tiết					

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Tin học, *Giáo trình Tin học đại cương*, Học viện Y – dược học cổ truyền VN, (Lưu hành nội bộ).

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. *Giáo trình IC3 – Máy tính căn bản*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Website: <https://www.giaiphapexcel.com>

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1. Kiến thức chung về CNTT	1 tiết					
2. Hệ điều hành Window 7	2 tiết					
3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	1 tiết					
4. Chương trình Microsoft Word	4 tiết					
5. Chương trình Microsoft Powerpoint	1 tiết					
6. Chương trình Microsoft Excel	6 tiết					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 5

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: Ngoài giảng đường học lý thuyết thì phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để bộ phần mềm office 16 hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội quy đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: Chuẩn bị các bài tập theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100 %; các bài thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	1/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1,CĐR2,

				CDR3
	Thực hành trên máy tính	3/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CDR3, CDR4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

$$\text{Điểm học phần} = (\text{Điểm thi lý thuyết} * 0.5 + \text{Điểm thi Thực hành} * 1.5) / 2$$

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

T.C. Duệ

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đanh

Nguyễn Văn Duệ
Đoàn Công Huy

Nguyễn Văn Duệ
Phạm Phương

GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 398/QĐ-HVYDHCTW/ ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Dược
Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nhà nước và Pháp luật
- * Tiếng Việt: Nhà nước và Pháp luật
- * Tiếng Anh: State and law
- Mã học phần/ mô đun: SOC 1001
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ 1: năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần: không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng



2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Đinh Thị Hương	0914.681.139	Dinhhuong512@gmail.com
2	Thạc sỹ Trương Thị Minh Trang	0975778477	truongminhtrang16@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Nắm được những vấn đề cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và hiệu, áp dụng được các quy định cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam	CĐR1	2
MT2	Nắm được tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCNVN	CĐR1	2
MT3	Nắm được một số chế định cơ bản, quan trọng nhất của một số ngành luật được học trong chương trình.	CĐR1	2
	Kỹ năng		
MT4	- Vận dụng được các quy định của pháp luật mới hiện hành.	CĐR1	2
MT5	- Áp dụng kiến thức căn bản nhất về các lĩnh vực pháp luật: Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Lao động, Phòng chống tham nhũng, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược trong hệ thống pháp luật Việt Nam	CĐR1	2

Ký hiệu mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT6	- Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật;	CDR11	2
MT7	- Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước trong cuộc sống, có trách nhiệm công dân	CDR11	2

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	Ký hiệu CDR của học phần/mô đun
MT1: Nắm được những vấn đề cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và hiệu, áp dụng được các quy định cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam	CLO1: Hiểu biết được những vấn đề cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và hiệu, áp dụng được các quy định cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam
MT2: Nắm được tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCNVN	CLO2: Hiểu biết được tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCNVN
MT3: Nắm được một số chế định cơ bản, quan trọng nhất của một số ngành luật được học trong chương trình.	CLO3: Trình bày được tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCNVN
MT4: Vận dụng được các quy định của pháp luật mới hiện hành.	CLO4: Vận dụng được một số nội dung trong các quy định của pháp luật mới hiện hành.
MT5: Áp dụng kiến thức căn bản nhất về các lĩnh vực pháp luật: Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Lao động, Phòng	CLO5: Áp dụng được kiến thức cơ bản về các lĩnh vực pháp luật: Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Lao động, Phòng chống tham nhũng, Luật Bảo hiểm y

chống tham nhũng, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược trong hệ thống pháp luật Việt Nam	tế, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong hoạt động nghề nghiệp
MT6: Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật;	CLO6: Từ rèn luyện tư duy pháp luật trong suốt quá trình sống và làm việc
MT7: Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước trong cuộc sống, có trách nhiệm công dân, có trách nhiệm công dân	CLO7: Vận dụng được tinh thần văn bản pháp luật vào thực tiễn liên quan đến hoạt động của cá nhân và tổ chức

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	Chuẩn đầu ra của Học phần (CLO)						
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Chương I Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	2	2	2	2	2	2
Chương II Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật	2	2	2	2	2	2	2
Chương III Luật Hiến pháp -Luật Hành chính -Luật Cán bộ, công chức - Luật Viên chức- Pháp luật về Phòng chống tham nhũng	2	2	2	2	2	2	2
Chương IV Luật Hình sự - Luật Dân sự- Luật Lao động	2	2	2	2	2	2	2
Chương V. Các vấn đề chung về luật Khám bệnh	2	2	2	2	2	2	2

chữa bệnh							
Chương VI. Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn	2	2	2	2	2	2	2
Chương VII. Luật Dược, văn bản hướng dẫn	2	2	2	2	2	2	2
Chương VIII. Luật Giáo dục	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun

Mô đun Nhà nước và pháp luật nghiên cứu các khái niệm cơ bản, các phạm trù chung nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó nội dung của môn học nhằm phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam.

Giới thiệu nội dung số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Cán bộ, công chức viên chức; Luật Hình sự và Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật giáo dục; Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Dược, Luật Giáo dục, Luật bảo hiểm y tế, luật khám bệnh chữa bệnh... để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương I Một số vấn đề chung về nhà	4	Phân tích được khái niệm đặc	1, 2, 3	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động nhóm Động não	

	nước và pháp luật- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		trung của nhà nước		tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Học dựa trên vấn đề	
2	Chương II Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật	4	Phân tích được khái niệm đặc trưng của pháp luật	1, 2, 3, 7, 8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
3	Chương III Luật Hiến pháp -Luật Hành chính -Luật Cán bộ, công chức - Luật Viên chức- Pháp luật về Phòng chống tham nhũng	4	Nắm được quá trình ra đời của Hiến pháp Việt Nam, bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước	4, 7, 8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Chương IV Luật Hình sự - Luật Dân sự- Luật Lao động	4	Nắm được các quy định của pháp luật hiện hành về luật dân	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			sự, hình sự, lao động		mục tiêu, thuyết trình ngắn		
5	Chương V. Các vấn đề chung về luật Khám bệnh chữa bệnh	4	Nắm được quy định về hành nghề hiện hành	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
6	Chương VI. Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn	4	Nắm được các quy định về bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
7	Chương VII. Luật Dược, văn bản hướng dẫn	4	Nắm được các quy định pháp luật về dược	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
8	Chương VIII.	2	Nắm được	4	Phương	Hoạt động	

8	. Luật Giáo dục		các điểm mới trong luật Giáo dục hiện hành		pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
---	-----------------	--	--	--	--	-----------------------------------	--

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Y tế công cộng (2017). *Nhà nước và pháp luật*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường đại học Sư phạm Hà Nội (2014). *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb Giáo dục
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005). *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.
3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
4. Bộ luật Hình sự hiện hành.
5. Bộ luật Lao động hiện hành.
6. Luật Hành chính hiện hành.
7. Bộ luật Dân sự hiện hành.
8. Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành.
9. Luật Bảo hiểm y tế hiện hành.
10. Luật Dược hiện hành.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình	

					thức khác	(giờ)
1	4	0	0	0	0	0
1	4	0	0	0	0	0
2	4	0	0	0	0	0
2	4	0	0	0	0	0
3	4	0	0	0	0	0
3	4	0	0	0	0	0
4	4	0	0	0	0	0
4	2	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt

động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 5

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 6 đến CDR 7

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	

	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CLO1 – CLO7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC *TR. Dược* **TRƯỞNG KHOA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Tuấn
TS. Phạm Khải Hưng

Lưu Minh Châu
TS.BS. Lưu Minh Châu



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

(Kèm theo Quyết định số: 598/QĐ-HVYDCT, ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam)

Trình độ đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun: Giáo dục thể chất 1
- * Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 1 (Lý Thuyết GDTC)
- * Tiếng Anh: Physical education 1 (Theory of Physical education)
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01 LT/.....TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng:..... tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học:tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Dược năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:



- + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
 - + Học phần học trước (đã học):
 - + Học phần song hành:
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ Môn GDTC – GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Hương Giang	0967968268	GDTC	huonggiang7467@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Việt Hà	097376313	GDTC	hitendra1387@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Người học biết được các khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong trường học.

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	- Mục tiêu kiến thức: Người học biết được các khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong trường học.	CDR 2	Bloom 2001
MT2	- Mục tiêu kỹ năng: Người học vận dụng các lý thuyết về khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong thực tiễn nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.	CDR2	Dave 1975
MT3	- Mục tiêu thái độ: Người học nhận thức được giá trị của thể dục thể thao đối với sức khỏe, sự thư giãn, sự thử thách, khả năng thể hiện bản thân và khả năng tương tác xã hội.	CDR2	Krathwohl 1973

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học
---------------------------	-------------

	phần/ mô đơn
MT1: Người học biết được các khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong trường học.	CDR:1
MT2: Người học vận dụng các lý thuyết về khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong thực tiễn nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.	CDR:1,2
MT3: Người học nhận thức được giá trị của thể dục thể thao đối với sức khỏe, sự thư giãn, sự thử thách, khả năng thể hiện bản thân và khả năng tương tác xã hội.	CDR:2,3,4

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đơn

Mức 1: Thấp;

* Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đơn	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đơn						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR...	CDR...	CDR...
Nội dung 1	2						
Nội dung 2	3	2					
Nội dung 3		2	2	2			

6. Mô tả chung học phần/ mô đơn

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Trang bị cho người học kiến thức về Giáo dục thể chất để củng cố và phát triển thể lực góp phần nâng cao sức khỏe toàn diện.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đơn

Nội dung	Thời gian học tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Lý thuyết GDTC	15		Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bài giảng lý thuyết Giáo dục thể chất. Bộ môn GDTC-GDQP HV YDHCTVN.(Lưu hành nội bộ).

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nhiều tác giả (2006). Lý luận và phương pháp thể dục thể thao sách giáo khoa dành cho sinh viên các trường đại học thể dục thể thao. Nhà xuất bản thể dục thể thao

[2] Nhóm tác giả (2006). Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học.

[3] TS. Đồng Văn Triệu(2008). Phương pháp giảng dạy và hướng dẫn học tập môn lý luận và phương pháp thể dục thể thao. Nhà xuất bản thể dục thể thao.

9. Kế hoạch giảng dạy học phần:

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	<p>Giáo án số 1: Giáo dục thể chất trong trường học I. Một số khái niệm 1. Khái niệm giáo dục thể chất (GDTC) 2. Phát triển thể chất 3. Hoạt thiện thể chất 4. Học vấn thể chất 5. Văn hóa thể chất và TT 5.1. Khái niệm văn hóa thể chất (VHTC) 5.1.1. Văn hóa thể chất là một hoạt động. 5.1.2. Văn hóa thể chất là tổng hòa những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra để hoạt động. 5.1.3. Văn hóa thể chất là kết quả của hoạt động: 5.2. Khái niệm TT II. GDTC trong trường học III. Nhiệm vụ và yêu cầu học tập môn GDTC trong trường học 1. Nhiệm vụ 2. Yêu cầu IV. Các hình thức GDTC</p>	4		

	V. Những điểm cần chú ý khi tập luyện TDTT			
2	<p>Giáo án số 2 :</p> <p>Lợi ích, tác dụng của TDTT với sức khỏe con người</p> <p>I. Khái niệm và vị trí của sức khỏe</p> <p>1. Khái niệm sức khỏe</p> <p>2. Vị trí của sức khỏe</p> <p>II. Lợi ích và tác dụng của tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người.</p> <p>1. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ vận động</p> <p>2. Sự ảnh hưởng của tập TDTT đối với hệ thống hô hấp</p> <p>a. Cơ hô hấp được phát triển dần, có lực, có sức bền, có thể chịu đựng với lượng vận động lớn.</p> <p>b. Dung tích sống tăng lên, tăng cường hấp thụ Oxy và thải CO₂.</p> <p>c. Tăng cường độ sâu hô hấp</p> <p>3. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với chức năng của hệ tuần hoàn</p> <p>a. Tăng cường tính vận động của tim.</p> <p>b. Tần số mạch giảm và chậm khi yên tĩnh</p> <p>c. “Tiết kiệm hóa” trong làm việc của tim</p> <p>d. Khi hoạt động kịch liệt, các chức năng của tim có thể đạt tới trình độ cao.</p> <p>e. Tăng tính dẫn truyền của huyết quản.</p> <p>4. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ tiêu hóa.</p> <p>5. Ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ thống thần kinh</p> <p>6. Thúc tiến phát triển năng lực của não, nâng cao hiệu xuất học tập, công tác.</p> <p>6.1. Rèn luyện thân thể nâng cao năng lực hoạt động trí lực</p>	4		

	6.2. Tập luyện TĐTT nâng cao hiệu quả công tác và học tập			
3	<p>Các phương pháp GDTC</p> <p>1. Khái niệm phương pháp giáo dục thể chất</p> <p>2. Phương pháp giáo dục thể chất</p> <p>2.1. Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ</p> <p>2.1.1. Phương pháp tập luyện trong quá trình hoạt động tác.</p> <p>2.1.2. Các phương pháp tập luyện định mức LVD và quãng nghỉ.</p> <p>2.2. Phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu</p> <p>2.2.1. Phương pháp trò chơi</p> <p>*Phương pháp trò chơi trong GDTC có những đặc điểm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhược điểm: • Ý nghĩa tác dụng: <p>2.2.2. Phương pháp thi đấu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ý nghĩa tác dụng: <p>2.3. Phương pháp sử dụng lời nói và trực quan trong GDTC:</p> <p>2.3.1. Phương pháp sử dụng bằng lời nói:</p> <p>2.3.2. Phương pháp trực quan</p>	4		
4	<p>Giáo án số 4 :</p> <p>Các nguyên tắc về phương pháp GDTC</p> <p>I. NGUYÊN TẮC TỰ GIÁC TÍCH CỰC</p> <p>1. Giáo dục thái độ tự giác và hứng thú bền vững đối với mục đích tập luyện chung cũng như các nhiệm vụ cụ thể của buổi tập</p> <p>2. Kích thích việc phân tích một cách có ý thức việc kiểm tra và dùng sức hợp lý khi thực hiện các bài tập thể chất</p> <p>3. Phải giáo dục tính tự lập, chủ động, sáng tạo của sinh viên</p> <p>II. NGUYÊN TẮC TRỰC QUAN</p>	3		

<p>1. <i>Khái niệm và bản chất</i></p> <p>1.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>1.2. <i>Bản chất</i></p> <p>2. <i>Cơ sở của nguyên tắc</i></p> <p>3. <i>Trực quan là tiền đề để tiếp thu động tác</i></p> <p>4. <i>Trực quan là điều kiện để hoàn thành động tác</i></p> <p>5. <i>Những yêu cầu đảm bảo tính trực quan</i></p> <p>III. NGUYÊN TẮC THÍCH HỢP, CÁ BIỆT HÓA</p> <p>1. <i>Bản chất</i></p> <p>2. <i>Cơ sở của nguyên tắc</i></p> <p>3. <i>Các yêu cầu của nguyên tắc</i></p> <p>4. <i>GDTC phụ hợp với các yêu cầu cá nhân</i></p> <p>IV. NGUYÊN TẮC HỆ THỐNG</p> <p>1. <i>Tính thường xuyên của các buổi tập và luân phiên hợp lý giữa tập luyện và nghỉ ngơi.</i></p> <p>1.1. <i>Tính thường xuyên của các buổi tập.</i></p> <p>1.2. <i>Sự luân phiên giữa tập luyện và nghỉ ngơi.</i></p> <p>2. <i>Sự phối hợp giữa tập luyện lặp lại và tập luyện biến dạng.</i></p> <p>3. <i>Tuần tự các buổi tập và mối liên hệ lẫn nhau giữa các mặt khác nhau trong nội dung các buổi tập..</i></p> <p>V. NGUYÊN TẮC TĂNG DẦN CÁC YÊU CẦU(Nguyên tắc tăng tiến)</p> <p>1. <i>Sự cần thiết phải tăng LĐV một cách từ từ</i></p> <p>2. <i>Các hình thức tăng LVD</i></p> <p>3. <i>Những điều kiện nâng cao LVD.</i></p>			
---	--	--	--

10. Phương pháp giảng dạy và học tập đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 4:

- Phương pháp thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm ...

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. *Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy:*

- Phải có máy chiếu, loa mic

11.2. *Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Trang phục lên lớp đúng quy định

- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%	SV đi học đúng giờ, đủ số buổi	CĐR ...
2	Điểm thi kết thúc: Báo cáo tiểu luận			
	Thực hành	90%	Toàn bộ nội dung học.	CĐR 1 đến CĐR 4.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TR. Duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Tuấn
Đào Công Huy

Nguyễn Thị Hương Giang



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1
VÕ + THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)
Đối tượng đào tạo: Dược;, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Giáo dục thể chất 1
- * Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 1 (Võ + TDNĐ)
- * Tiếng Anh: Physical education 1 (Taekwondo + Aerobic)
- Mã học phần/ mô đun: GDTC 1001
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC & GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Thị Hương Giang	0987410888	huonggiang7467@gmail.com
2	Th.s. Trương Hữu Hoà	0986438166	hoagdtc.qp@gmail.com
3	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com



4	Th.s. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
5	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
6	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
7	Th.s. Trần Thị Tú Quyên	0977958252	trantuquyengdtc@gmail.com
8	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
	Th.s. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Môn học trang bị cho người học: Hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được hình thành và phát triển. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức:	CĐR 2	Bloom 2001
MT1	- Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.		
MT2	- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.		
MT3	- Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.		
MT4	- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.		
	Kỹ năng	CĐR2	Dave 1975
MT1	- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT2	- Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển.		
MT3	- Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thần kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết.		
MT4	- Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo.		
MT5	- Nâng cao khả năng hoạt động nhóm		
MT6	- Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.		
MT7	- Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	CDR2	<i>Krathwohl 1973</i>
MT1	- Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.		
MT2	- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học. - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phân xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.	CDR:1
MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.	CDR:2
MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.	CDR: 3
MT4: - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.	CDR: 4

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

* Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4			
Nội dung 1	2			2			
Nội dung 2	3	2	2				
Nội dung 3	3	2	2				
Nội dung 4	3	2	2	2			

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- AEROBIC là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được du nhập vào Việt nam từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước và phát triển rộng khắp

trên mọi miền Tổ quốc và ở hầu khắp các cấp học của hệ thống giáo dục. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.

- Môn võ Taekwondo hiện nay là môn thể dục thể thao rất được ưa chuộng ở Việt Nam và trên thế giới. Nó là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học nhằm mục đích giúp người học phát triển và hoàn thiện các tổ chức của cơ thể.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
AEROBIC	30		Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
TAEKWONDO	30		Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

...

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

....

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành:

9.1. MÔN TAEKWONDO

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	<p>- Giáo án số 1:</p> <p>+ Khái quát môn võ : nguồn gốc, lịch sử phát triển, luật thi đấu...</p> <p>+ Tập 1 số khẩu thủ lệnh cơ bản.</p> <p>+ Cách nắm đấm, cách đấm: trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng.</p> <p>+ Học các bước tấn cơ bản: tấn ngắn, tấn dài và trung bình tấn.</p>	4		

2	<p>- Giáo án số 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn lại các bước tấn đã học. + Đứng trung bình tấn đâm : trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng + Học kĩ thuật đá tổng trước. 	4		
3	<p>- Giáo án số 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn lại các bước tấn đã học. + Đứng trung bình tấn đâm : trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng. + Ôn kĩ thuật đá tổng trước. + Học các kĩ thuật tay cơ bản : gạt hạ đẳng, đỡ trung đẳng, đỡ thượng đẳng. 	4		
4	<p>- Giáo án số 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn các kĩ thuật tay cơ bản. + Ôn kĩ thuật đá tổng trước. + Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn ngắn. + Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn dài. 	4		
5	<p>- Giáo án số 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn các kĩ thuật tay với tấn ngắn. + Ôn kĩ thuật tay với tấn dài. + Học kĩ thuật đối luyện: chống dao và bắt chân đánh ngã. + Tập hướng đi của bài quyền số 2(Taekwondo). + Học bài quyền số 2(taekwondo) 18 động tác,từ động tác số 1- 6. 	4		
6	<p>- Giáo án số 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn kĩ thuật đối luyện: chống dao và bắt chân đánh ngã. + Ôn hướng đi của bài quyền số 2 (taekwondo). + Ôn bài quyền số 2 từ động tác 1- 6. 	4		

	+ Học tiếp bài quyền số 2 từ động tác 7-18.			
7	- Giáo án số 7: + Ôn kĩ thuật đối luyện. + Ôn bài quyền số 2.	4		
8	- Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		
9	- Giáo án số 9 : + Thi kết thúc học phần			

9.2. MÔN AEROBIC.

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	- Giáo án số 1: + Giới thiệu môn học Thể dục nhịp điệu(TDND) + Phương pháp tự tập luyện môn học. + Tập 1 số khẩu lệnh cơ bản. + Học một số nội dung đội hình đội ngũ. + Học động tác 1 – 3 bài TDND.	4		
2	- Giáo án số 2: + Ôn động tác 1 – 3 bài TDND. + Học động tác 4 – 6 bài TDND. + Luyện tập động tác 1 – 6 bài TDND.	4		
3	- Giáo án số 3: + Ôn động tác từ 1 – 6 bài TDND. + Học động tác từ 7 – 9 bài TDND. + Luyện tập động tác 1 – 9 bài TDND.	4		
4	- Giáo án số 4: + Ôn động tác từ 1 – 9 bài TDND.	4		

	+ Làm quen với nhạc tập.			
5	- Giáo án số 5: + Ôn đồng tác từ 1 – 9 bài TDND. + Học động tác từ 10 – 12 bài TDND. + Luyện tập động tác 1 – 12 bài TDND. + Luyện tập với nhạc.	4		
6	- Giáo án số 6: + Hoàn thiện bài TDND chuẩn bị thi kết thúc học phần. + Luyện tập với nhạc.	4		
7	- Giáo án số 7: + Hoàn thiện bài TDND	4		
8	- Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		
9	- Giáo án số 9 : + Thi kết thúc học phần.			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 4:

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dụng cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TĐTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%	SV đi học đúng giờ, đủ số buổi	CĐR ...
2	Điểm thi kết thúc thực hành			
	Thực hành	90%	Thi theo nhóm	CĐR 1 đến CĐR 4.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TR

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Tuấn

Đào Xuân Cảnh

Nguyễn Thị Hương Giang

Nguyễn Văn Tuấn

Đào Xuân Cảnh

Nguyễn Thị Hương Giang

GIÁM ĐỐC
Đào Xuân Cảnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2
(NGŨ GIA QUYỀN)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học; Mã số đào tạo: **7720201**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Giáo dục thể chất 2
- * Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 2 (NGŨ GIA QUYỀN)
- * Tiếng Anh: Physical education 2 (FIVE FAMILIES KUNG FU)
- Mã học phần/ mô đun: GDTC 2002
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
x	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Thị Hương Giang	0987410888	huonggiang7467@gmail.com
2	Th.s. Trương Hữu Hoà	0986438166	hoagdtc.qp@gmail.com



3	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com
4	Th.s. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
5	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
6	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
7	Th.s. Trần Thị Tú Quyên	0977958252	trantuquyengdtc@gmail.com
8	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
	Th.s. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT):

Môn học trang bị cho người học: Hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được hình thành và phát triển. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức:	CĐR2,3	Bloom 2001
MT1	- Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.		
MT2	- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.		
MT3	- Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.		
MT4	- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.		
	Kỹ năng	CĐR2	Dave 1975

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
MT1	- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.		
MT2	- Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển.		
MT3	- Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thân kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết.		
MT4	- Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo.		
MT5	- Nâng cao khả năng hoạt động nhóm.		
MT6	- Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.		
MT7	- Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TĐTT nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	CDR1, 2, 3	<i>Krathwohl 1973</i>
MT1	- Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.		
MT2	- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<p>MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <p>- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.</p> <p>- Tăng cường phân xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.</p> <p>- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.</p>	CDR2
<p>MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p>	CDR2, 3
<p>MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDDT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.</p>	CDR: 2, 3
<p>MT4: - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.</p> <p>- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.</p>	CDR:1,2, 3

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR...	CDR...	CDR...	CDR...
Nội dung 1		2					
Nội dung 2		2	2				
Nội dung 3		2	2				
Nội dung 4	2	2	2				

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Đây là một bài quyền tổng hợp từ các tư thế, chiêu thức của nhiều dòng võ thuật nổi tiếng của Việt Nam và Trung Quốc.

Môn học trang bị cho người học: Những tư thế, chiêu thức được chọn lọc với ý nghĩa vận động tổng hợp của cơ, khớp toàn thân. Động tác ngắn gọn đủ 4 hướng vận dụng liên hoàn cả 2 bên tả và hữu.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

STT	Nội dung NGŨ GIA QUYỀN	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1	- Giới thiệu chung về môn NGQ - Học khởi động chuyên môn - Học động tác 1-3 của bài NGQ	4	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
2	- Ôn 3 động tác đã học của bài NGQ - Học mới từ động tác 4- 8 của bài NGQ - Luyện tập từ động tác 1-8	4	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
3	- Ôn 8 động tác đã học của bài NGQ - Học mới từ động tác 9- 13 của bài NGQ - Luyện tập từ động tác 1-13	4	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
4	- Ôn động tác 1- 13 của bài NGQ - Học mới từ động tác từ 14 – 18 bài NGQ.	4	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
5	- Ôn động tác 1- 18 của bài NGQ. - Tập đi bốn cửa bài quyền	4	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
6	- Hoàn thiện đi bốn cửa bài quyền - Hướng dẫn cách thức thi kết thúc học phần.	4	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
7	- Ôn tập	4	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
8	-Tổng ôn chuẩn bị thi kết thúc môn.	2	Tự ôn bài ở nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn

	-Thi thử			ở nhà
9	Thi kết thúc	2		Thi tại sân học.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

...

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

.....

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành: NGŨ GIA QUYỀN

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	- Giáo án số 1: + Giới thiệu môn học. + Học bài khởi động. + Học tư thế chào và chuẩn bị. + Học từ thế 1 - 3	4		
2	- Giáo án số 2: + Ôn thế 1 – 3. + Học từ thế 4 – 8. + Luyện tập từ thế 1 – 8.	4		
3	- Giáo án số 3: + Ôn thế 1 – 8. + Học từ thế 9 – 13. + Luyện tập từ thế 1 – 13.	4		
4	- Giáo án số 4: + Ôn thế 1 – 13. + Học từ thế 14 – 18. + Luyện tập từ thế 1 – 18.	4		

5	- Giáo án số 5: + Luyện tập 18 thế. + Tập đi bốn cửa bài quyền	4		
6	- Giáo án số 6: + Hoàn thiện đi bốn cửa bài quyền + Hướng cách thức thi kết thúc học phần.	4		
7	- Giáo án số 7: + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần	4		
8	- Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		
9	- Giáo án số 9 : + Thi kết thúc học phần.			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dụng cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TĐTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%	SV đi học đúng giờ, đầy đủ số buổi	CĐR 2
2	Điểm thi kết thúc thực hành			
	Thực hành	90%	Thi theo nhóm	CĐR 1 đến CĐR 3

BAN GIÁM ĐỐC

T.Đ. Cảnh

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đ.Đ. Cảnh

Nguyễn Văn Quân

Nguyễn Văn Quân
Đoàn Cảnh Huy

Nguyễn Thị Hương Giang

Nguyễn Thị Hương Giang

GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3
(THÁI CỰC QUYỀN)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVH ngày 29 tháng 6, năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo **7720201**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Giáo dục thể chất 3
- * Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 3 (**THÁI CỰC QUYỀN**)
- * Tiếng Anh: Physical education 3 (TAI CHI CHUAN)
- Mã học phần/ mô đun: GDTC 2003
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Thị Hương Giang	0987410888	huonggiang7467@gmail.com
2	Th.s. Trương Hữu Hoà	0986438166	hoagdtc.qp@gmail.com



3	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com
4	Th.s. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
5	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
6	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
7	Th.s. Trần Thị Tú Quyên	0977958252	trantuquyengdtc@gmail.com
8	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
	Th.s. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Môn học trang bị cho người học: Hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được hình thành và phát triển. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức:	CĐR2,3	Bloom 2001
MT1	- Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.		
MT2	- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.		
MT3	- Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.		
MT4	- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kỹ năng	CDR2	<i>Dave 1975</i>
MT1	- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.		
MT2	- Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển.		
MT3	- Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thân kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết.		
MT4	- Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo.		
MT5	- Nâng cao khả năng hoạt động nhóm.		
MT6	- Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.		
MT7	- Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	CDR1, 2, 3	<i>Krathwohl 1973</i>
MT1	- Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.		
MT2	- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân

loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
<p>MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <p>- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.</p> <p>- Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.</p> <p>- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.</p>	CĐR2
<p>MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p>	CĐR2,3
<p>MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TĐTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.</p>	CĐR: 2,3
<p>MT4: - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.</p> <p>- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.</p>	CĐR:1,2,3

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR...	CĐR...	CĐR...	CĐR...
Nội dung 1		2					
Nội dung 2		2	2				

Nội dung 3		2	2				
Nội dung 4	2	2	2				

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Thái Cực Quyền (TCQ) là môn võ thuật bắt nguồn từ Trung Quốc, trong tiến trình phát triển TCQ đã vươn rộng ra khắp thế giới và trở nên gần gũi với nhiều nền văn hóa trong đó có Việt Nam chúng ta. Dưới góc nhìn khoa học hiện đại môn TCQ dưỡng sinh đã được công nhận mang lại nhiều lợi ích tích cực trong việc nâng cao sức khỏe, đẩy lùi bệnh tật và là phương pháp rèn luyện phù hợp với nhiều lứa tuổi, giới tính. Nhiều nơi trên thế giới coi môn TCQ là một môn thể dục dưỡng sinh và là một môn thuộc về “ Y học thay thế “ nên rất phù hợp để đưa vào giảng dạy cho đối tượng sinh viên ngành Y, Dược.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

STT	Nội dung THÁI CỰC QUYỀN	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1	+ Giới thiệu môn học. + Học bài khởi động. + Học tư thế khởi thức. + Học từ thức 1 – 3	4	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
2	+ Ôn từ thức 1 – 3 + Học từ thức 4 – 6	4	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
3	+ Ôn từ thức 1 – 6 + Học từ thức 7-9 + Luyện tập với nhạc	4	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
4	+ Ôn từ thức 1 – 9 + Học từ thức 10-14	4	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

	+ Luyện tập với nhạc			
5	+ Luyện tập 1-14 + Học từ thức 15-19 + Luyện tập với nhạc	4	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
6	+ Ôn từ thức 1-19 + Học từ thức 20-24 + Luyện tập với nhạc	4	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
7	+ Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	4	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
8	+ Tổng ôn chuẩn bị thi kết thúc học phần. + Thi thử.	2	Tự học tại nhà	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
9	Thi kết thúc học phần			Thi tại sân học.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

....

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

....

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành: THÁI CỰC QUYỀN

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	- Giáo án số 1: + Giới thiệu môn học. + Học bài khởi động. + Học tư thế khởi thức. + Học từ thức 1 – 3	4		

2	- Giáo án số 2: + Ôn từ thứ 1 – 3 + Học từ thứ 4 – 6	4		
3	- Giáo án số 3: + Ôn từ thứ 1 – 6 + Học từ thứ 7-9 + Luyện tập với nhạc	4		
4	- Giáo án số 4: + Ôn từ thứ 1 – 9 + Học từ thứ 10-14 + Luyện tập với nhạc	4		
5	- Giáo án số 5: + Luyện tập 1-14 + Học từ thứ 15-19 + Luyện tập với nhạc	4		
6	- Giáo án số 6: + Ôn từ thứ 1-19 + Học từ thứ 20-24 + Luyện tập với nhạc	4		
7	- Giáo án số 7: + Ôn tập với nhạc	4		
8	- Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		
9	- Giáo án số 9 : + Thi kết thúc học phần.			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dung cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TĐTT đúng quy định

- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%	SV đi học đúng giờ, đầy đủ số buổi	CĐR 2
2	Điểm thi kết thúc thực hành			
	Thực hành	90%	Thi theo nhóm	CĐR 1 đến CĐR 3

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

Tk Dược

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Nhân
Đào Công Hùng

Nguyễn Thị Hương Giang
Nguyễn Thị Hương Giang

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VẬT LÝ 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTH ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Vật lý 1
- * Tiếng Anh: Physics
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 1001
- Số tín chỉ: 03 TC
- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ - năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết
+ Lý thuyết: 30 tiết



- + Thực hành: 30 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm:
- + Kiểm tra:
- + Thời gian tự học:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y vật lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Khắc Điền	0969745538	nguyenkhacdien@gmail.com
2	Ths. Chu Anh Tuấn	0983889344	cat07061982@gmail.com
3	Ths. Đào Văn Dinh	0399520963	daovandinh88@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT) [3]	Mức độ [4]
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các khái niệm cơ bản của động học, động lực học, tính công và năng lượng trong một số chuyển động cơ học. - Trình bày được cấu tạo và chuyển động của vật chất ở các trạng thái lỏng và khí, các nguyên lý của nhiệt động lực học. - Nắm vững kiến thức cơ bản các quy luật vật lý trong lĩnh vực điện học và Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. 	CDR 2 CDR 5 CDR 10	3 1 2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
<p>MT1: Trình bày được các khái niệm cơ bản của động học, động lực học, tính công và năng lượng trong một số chuyển động cơ học</p> <p>MT2: Trình bày được cấu tạo và chuyển động của vật chất ở các trạng thái lỏng và khí, các nguyên lý của nhiệt động lực học.</p> <p>MT3: Nắm vững kiến thức cơ bản các quy luật vật lý trong lĩnh vực điện học và Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống.</p>	<p>CDR1 - Vận dụng được các kiến thức về Vật lý trong học tập, nghiên cứu và hành nghề chuyên môn được</p> <p>CDR 2 - Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị máy móc phục vụ nghiên cứu bào chế, sản xuất, kiểm nghiệm và nghiên cứu phát triển thuốc</p>
Kỹ năng	
<p>MT1: Kỹ năng làm việc độc lập, tích cực, hợp tác và sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân và của nhóm.</p> <p>MT2: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để giải bài tập.</p> <p>MT3: Thành thạo trong sử dụng một số dụng cụ đo lường các đại lượng vật lý, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường.</p> <p>MT4: Kỹ năng quan sát hiện tượng phản ứng, thu thập thông tin và xử lý thông tin. Viết báo cáo và trình bày báo cáo trước tập thể.</p>	<p>CDR 3 - Người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức, tổng hợp báo cáo, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao</p> <p>CDR 4 - Sử dụng thành thạo các máy móc, dụng cụ, thiết bị cơ bản trong nghiên cứu bào chế, sản xuất, được lý thực nghiệm, kiểm nghiệm và nghiên cứu phát triển thuốc</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT1: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p> <p>MT2: Có ý thức bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau thí nghiệm.</p>	<p>CDR 5 - Người học rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực, khách quan, tư duy khoa học.</p> <p>CDR 6 - Người học có tinh thần trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường</p>

MT3: Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, khách quan.	
MT4: Luôn có ý thức tư duy khoa học, vận dụng sáng kiến vào thực tế.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
Động học chất điểm	3	3	1	1	2	1
Động lực học chất điểm	3	3	1	3	2	1
Công và năng lượng	3	3	3	1	1	1
Cơ học chất lỏng	3	3	3	3	2	2
Chuyên động dao động, sóng và sóng âm	3	3	3	2	2	2
Thuyết tương đối hẹp của Einstein	3	1	1	1	1	1
Sự vận chuyển máu	3	1	2	2	1	1
Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học	3	3	2	2	2	2
thuyết động học chất khí	3	3	2	1	1	2
Entropy và nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học	3	1	2	1	1	1
chất lỏng	3	3	3	3	2	2
Áp dụng nguyên lý thứ nhất và nguyên lý thứ hai nhiệt động lực học cho hệ thống sống	3	1	1	1	1	1
Tĩnh điện	3	3	1	2	2	2
Dòng điện không đổi	3	3	3	3	2	1
Từ trường của dòng điện không đổi	3	3	3	3	1	2
cảm ứng điện từ	3	3	1	3	2	2
Dòng điện trên cơ thể sinh vật	3	3	1	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Vật lý 1 bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cơ học chất điểm; Các định luật Newton; Cơ học hệ chất điểm; Công và năng lượng; Thuyết tương đối của Einstein; Động lực học chất khí và chất lỏng; Phương trình cơ bản thuyết động lực học chất khí; Giới thiệu về nguyên lý thứ nhất nhiệt động lực học, nguyên lý thứ hai nhiệt động lực học và ứng dụng cho hệ thống sống; Chu trình Carnot; Tĩnh điện và các định luật cơ bản về dòng điện. Các hiện tượng điện xảy ra trên cơ thể sinh vật.

Học phần Thí nghiệm Vật lý 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Vật lý 1.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/ TL/ KT		Tổng cộng		
Động học chất điểm	2						Đọc trước bài
Động lực học chất điểm	2						Đọc trước bài. Làm bài tập
Công và năng lượng	1						Đọc trước bài.
Cơ học chất lỏng	2	2					Đọc trước bài.
Chuyển động dao động, sóng và sóng âm	2	4					Đọc trước bài. Làm bài tập
Thuyết tương đối hẹp của Einstein	1						Đọc trước bài.
Sự vận chuyển máu	2						Đọc trước bài.
Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học	2						Đọc trước bài.
thuyết động học chất khí	2						Đọc trước bài.
Entropy và nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học	2						Đọc trước bài.
chất lỏng	2	4					Đọc trước bài.
Áp dụng nguyên lý thứ nhất và nguyên lý thứ hai nhiệt động lực học cho hệ thống sống	2						Đọc trước bài. Làm bài tập
Tĩnh điện	1	4					Đọc trước bài.
Dòng điện không đổi	2	8					Đọc trước bài.

							Làm bài tập
Từ trường của dòng điện không đổi	1	4					Đọc trước bài.
cảm ứng điện từ	2	4					Đọc trước bài. Làm bài tập
Dòng điện trên cơ thể sinh vật	2						Đọc trước bài.
Tổng	30	30			60		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vật lý 1 (Bộ môn Y vật lý, HVYDHCTVN)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. PGS. TSKH. Phan Sỹ An (2005), *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

2. *Vật lý đại cương (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)* – NXB Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Động học chất điểm	2					
Động lực học chất điểm	1		1			
Công và năng lượng	1					
Cơ học chất lỏng	2					
Chuyển động dao động, sóng và sóng âm	1		1			
Thuyết tương đối hẹp của Einstein	1					
Sự vận chuyển máu	1			1		
Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học	2		1			
thuyết động học chất khí	2					
Entropy và nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học	2					

chất lỏng	2					
Áp dụng nguyên lí thứ nhất và nguyên lí thứ hai nhiệt động lực học cho hệ thống sống	1					
Tĩnh điện	1					
Dòng điện không đổi	1		1			
Từ trường của dòng điện không đổi	1					
cảm ứng điện từ	1		1			
Dòng điện trên cơ thể sinh vật	1			1		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 3 đến CDR 4

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 3 đến CDR 4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Có máy chiếu, phấn, bảng, giảng viên thuyết trình có sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, thảo luận các trường hợp, thảo luận nhóm.
- Có phòng thực hành có đủ các trang thiết bị thực hành, dụng cụ, hóa chất.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	(100/3) %		CĐR 3,4,6
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	(200/3) %		CĐR 1,2,3,5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TTC Khoa

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Tuấn
PGS.TS. Đoàn Quang Huy

Nguyễn Khắc Điền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành)

VẬT LÝ 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ Đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Vật lý 1
- * Tiếng Anh: Physics
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 1001
- Số tín chỉ thực hành: 01 TC
- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ - năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y vật lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	Ths. Nguyễn Khắc Điền	0969745538	nguyenkhacdien@gmail.com
2	Ths. Chu Anh Tuấn	0983889344	cat07061982@gmail.com
3	Ths. Đào Văn Đình	0399520963	daovandinh88@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT) [3]	Mức độ [4]
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các khái niệm cơ bản của động học, động lực học, tính công và năng lượng trong một số chuyển động cơ học. - Trình bày được cấu tạo và chuyển động của vật chất ở các trạng thái lỏng và khí, các nguyên lý của nhiệt động lực học. - Nắm vững kiến thức cơ bản các quy luật vật lý trong lĩnh vực điện học và Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. 	<p style="text-align: center;">CDR 2</p> <p style="text-align: center;">CDR 5</p> <p style="text-align: center;">CDR 10</p>	<p>3</p> <p>1</p> <p>2</p>

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các khái niệm cơ bản của động học, động lực học, tính công và năng lượng trong một số chuyển động cơ học	CDR1 - Vận dụng được các kiến thức về Vật lý trong học tập, nghiên cứu và hành nghề chuyên môn được
MT2: Trình bày được cấu tạo và chuyển	CDR 2 - Phân tích được các hiện tượng,

<p>động của vật chất ở các trạng thái lỏng và khí, các nguyên lý của nhiệt động lực học.</p> <p>MT3: Nắm vững kiến thức cơ bản các quy luật vật lý trong lĩnh vực điện học và Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống.</p>	<p>nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị máy móc phục vụ nghiên cứu bào chế, sản xuất, kiểm nghiệm và nghiên cứu phát triển thuốc</p>
Kỹ năng	
<p>MT1: Kỹ năng làm việc độc lập, tích cực, hợp tác và sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân và của nhóm.</p> <p>MT2: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để giải bài tập.</p> <p>MT3: Thành thạo trong sử dụng một số dụng cụ đo lường các đại lượng vật lý, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường.</p> <p>MT4: Kỹ năng quan sát hiện tượng phản ứng, thu thập thông tin và xử lý thông tin. Viết báo cáo và trình bày báo cáo trước tập thể.</p>	<p>CDR 3 - Người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức, tổng hợp báo cáo, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao</p> <p>CDR 4 - Sử dụng thành thạo các máy móc, dụng cụ, thiết bị cơ bản trong nghiên cứu bào chế, sản xuất, được lý thực nghiệm, kiểm nghiệm và nghiên cứu phát triển thuốc</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT1: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p> <p>MT2: Có ý thức bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau thí nghiệm.</p> <p>MT3: Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, khách quan.</p> <p>MT4: Luôn có ý thức tư duy khoa học, vận dụng sáng kiến vào thực tế.</p>	<p>CDR 5 - Người học rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực, khách quan, tư duy khoa học.</p> <p>CDR 6 - Người học có tinh thần trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	
Động học chất điểm	3	3	1	1	2	1	
Động lực học chất điểm	3	3	1	3	2	1	
Công và năng lượng	3	3	3	1	1	1	
Cơ học chất lỏng	3	3	3	3	2	2	
Chuyển động dao động, sóng và sóng âm	3	3	3	2	2	2	
Thuyết tương đối hẹp của Einstein	3	1	1	1	1	1	
Sự vận chuyển máu	3	1	2	2	1	1	
Nguyên lí thứ nhất của nhiệt động lực học	3	3	2	2	2	2	
thuyết động học chất khí	3	3	2	1	1	2	
Entropy và nguyên lí thứ hai của nhiệt động lực học	3	1	2	1	1	1	
chất lỏng	3	3	3	3	2	2	
Áp dụng nguyên lí thứ nhất và nguyên lí thứ hai nhiệt động lực học cho hệ thống sống	3	1	1	1	1	1	
Tĩnh điện	3	3	1	2	2	2	
Dòng điện không đổi	3	3	3	3	2	1	
Từ trường của dòng điện không đổi	3	3	3	3	1	2	
cảm ứng điện từ	3	3	1	3	2	2	
Dòng điện trên cơ thể sinh vật	3	3	1	2	2	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành

Học phần Thí nghiệm Vật lý 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Vật lý 1: đo lường một số đại lượng vật lý, tính toán xử lý số liệu thí nghiệm, tìm hiểu ứng dụng trong thực tế của các trang thiết bị thí nghiệm...

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Phép đo, Sai số và cách tính	04		- Trang phục đúng quy định - Đọc trước bài ở nhà
Làm quen với một số dụng cụ đo lường cơ bản	04		- Trang phục đúng quy định - Đọc trước bài ở nhà
Đo độ nhớt dung dịch bằng nhớt kế OSWALD	04		- Trang phục đúng quy định - Đọc trước bài ở nhà
Đo hệ số căng bề mặt dung dịch	04		- Trang phục đúng quy định - Đọc trước bài ở nhà
Đo thể tích vật rắn có dạng hình học đối xứng	04		- Trang phục đúng quy định - Đọc trước bài ở nhà
Xác định tỉ trọng chất lỏng bằng cân phân tích	04		
Đo điện trở vật dẫn bằng mạch cầu wheatston	04		
Xác định suất điện động của nguồn bằng mạch xung đối	02		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vật lý 1 (Bộ môn Y vật lý, HVYDHCTVN)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. PGS. TSKH. Phan Sỹ An (2005), *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học
2. *Vật lý đại cương (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)* – NXB Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu
	Thực	Kiểm tra	Bài tập	Các hình		

	hành/ lâm sàng			thức khác		(giờ)
1	8					
2	8					
3	8					
4	6					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Có máy chiếu, phấn, bảng, giảng viên thuyết trình có sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, thảo luận các trường hợp, thảo luận nhóm.

- Có phòng thực hành có đủ các trang thiết bị thực hành, dụng cụ, hóa chất.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

- Trang phục: áo blouse theo quy định

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun

1	Điểm đánh giá quá trình		
	Chuyên cần	0 %	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/lâm sàng		
	Thi thực hành chạy trạm	100 %	CDR 1,2,3,5

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TR. Duyệt

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN




 Nguyễn Văn Quân


 PGS.TS. Đoàn Quang Huy



Nguyễn Khắc Điền



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HÓA ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ (phần lý thuyết)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN... ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sỹ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: HOÁ ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ
- * Tiếng Việt: HOÁ ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ
- * Tiếng Anh: General – inorganic chemistry
- Mã học phần: CHEM 1002
- Số tín chỉ: 4,0 TC (3LT + 1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết LT
 - + Lý thuyết: 36 tiết
 - + Bài tập: 09 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ



- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Hoá

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Tiến Dũng	0982396848	vnnguyentindung@gmail.com
2	ThS. Trương Thị Thu Hương	0948949998	NgocTan31081@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Hoài Vân	0984910368	ngohanhthuong@gmail.com
3.	ThS. Đinh Thị Tuyết	0977683717	DinhTuyet0210@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3]*	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Hiểu về cấu tạo nguyên tử - Định luật tuần hoàn: cấu tạo nguyên tử của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn, định luật tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn một số trong bảng hệ thống tuần hoàn, định luật tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn một số tính chất của các nguyên tố.	[CĐR2]; [CĐR5]; [CĐR8]	3
MT2	Hiểu về cấu tạo phân tử - liên kết hóa học.; phức chất. Cấu tạo vật thể: lực tương tác giữa các phân tử và các trạng thái tập hợp của chất	[CĐR2]; [CĐR5]; [CĐR8]	3
MT3	Nắm được kiến thức cơ bản của: - Nhiệt động hóa học: Nguyên lý I; Nguyên lý II - Động hóa học và cân bằng hóa học - Dung dịch: định nghĩa, phân loại, độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan, định luật Hery, định luật phân bố, định luật Van't Hoff, cân bằng và phản ứng trong dung dịch các chất điện ly - Phản ứng oxy hóa khử và dòng điện	[CĐR2]; [CĐR5]; [CĐR6]; [CĐR8]	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]*	Mức độ [4]
MT4	Nắm được kiến thức về Danh pháp các chất vô cơ theo Dược điển Việt Nam. Phân loại nguyên tố theo cấu hình electron và vai trò, ứng dụng trong Y Dược.	[CDR2]; [CDR5]; [CDR6]; [CDR8]	3
Kỹ năng			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Nhận thức được tầm quan trọng của các bài học.	[CDR2]	3
MT6	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong việc vận dụng các bài học vào ngành học. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	[CDR10]; [CDR11]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Hiểu về cấu tạo nguyên tử - Định luật tuần hoàn: cấu tạo nguyên tử của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn, định luật tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn một số trong bảng hệ thống tuần hoàn, định luật tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn một số tính chất của các nguyên tố.	CDR1: Hiểu về cấu tạo nguyên tử - Định luật tuần hoàn: cấu tạo nguyên tử của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn, định luật tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn một số trong bảng hệ thống tuần hoàn, định luật tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn một số tính chất của các nguyên tố.
MT2: Hiểu về cấu tạo phân tử - liên kết hóa học.; phức chất. Cấu tạo vật thể: lực tương tác giữa các phân tử và các trạng thái tập hợp của chất	CDR2: Hiểu về cấu tạo phân tử - liên kết hóa học.; phức chất. Cấu tạo vật thể: lực tương tác giữa các phân tử và các trạng thái tập hợp của chất

<p>MT3: Nắm được kiến thức cơ bản của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt động hóa học: Nguyên lý I; Nguyên lý II - Động hóa học và cân bằng hóa học - Dung dịch: định nghĩa, phân loại, độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan, định luật Hery, định luật phân bố, định luật Van't Hoff, cân bằng và phản ứng trong dung dịch các chất điện ly - Phản ứng oxy hóa khử và dòng điện 	<p>CDR3: Nắm được kiến thức cơ bản của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt động hóa học: Nguyên lý I; Nguyên lý II - Động hóa học và cân bằng hóa học - Dung dịch: định nghĩa, phân loại, độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan, định luật Hery, định luật phân bố, định luật Van't Hoff, cân bằng và phản ứng trong dung dịch các chất điện ly - Phản ứng oxy hóa khử và dòng điện
<p>MT4: Nắm được kiến thức về Danh pháp các chất vô cơ theo Dược điển Việt Nam. Phân loại nguyên tố theo cấu hình electron và vai trò, ứng dụng trong Y Dược.</p>	<p>CDR4: Nắm được kiến thức về Danh pháp các chất vô cơ theo Dược điển Việt Nam. Phân loại nguyên tố theo cấu hình electron và vai trò, ứng dụng trong Y Dược.</p>
Kỹ năng	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các bài học.</p>	<p>CDR5: Nhận thức được tầm quan trọng của các bài học.</p>
<p>MT6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong việc vận dụng các bài học vào ngành học. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.</p>	<p>CDR6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong việc vận dụng các bài học vào ngành học.</p> <p>CDR7: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Nội dung 1: Cấu tạo nguyên tử, phân tử	3				2	2	2
Nội dung 2: Nhiệt hóa học	3				2	2	2
Nội dung 3: Động hóa học		3			2	2	2

Nội dung 4: Điện hóa học		3			2	2	2
Nội dung 5: Dung dịch			3		2	2	2
Nội dung 6: Kim loại			3		2	2	2
Nội dung 7: Phi kim				3	2	2	2
Nội dung 8: Các loại hợp chất vô cơ				3	2	2	2

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần này có 4 tín chỉ, trong đó có 3 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

Lý thuyết: Học phần tập trung vào những định luật cơ bản của hoá học, các nguyên lý nhiệt động hoá học, cấu tạo chất, phản ứng hoá học, dung dịch, điện hoá và các hệ keo. Trình bày được cách phân loại, tính chất, độc tính và ứng dụng của các nguyên tố và hợp chất vô cơ được quan tâm trong chuyên ngành Y – Dược.

Thực hành: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản từ đó có các kỹ năng cơ bản để học các môn chuyên sâu của ngành dược.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. Cấu tạo nguyên tử, phân tử	3		1	4		
II. Nhiệt hóa học	5		1	6		
III. Động hóa học	5		1	6		
IV. Điện hóa học	3		1	4		
V. Dung dịch	6		2	8		
VI. Kim loại	6		2	8		
VII. Phi kim	4		1	5		
VIII. Các loại hợp chất vô cơ	4			4		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Y tế (2009). *Giáo trình Hóa đại cương vô cơ*. NXB Y học

[1] Bộ môn Hóa vô cơ (2004). *Thực tập Hóa đại cương vô cơ*. Đại học Dược Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ môn Hóa vô cơ (*Giáo trình Hóa học đại cương vô cơ*. Đại học Dược Hà Nội.

[2] Bộ Y tế (2008), *Hóa đại cương vô cơ tập 1, 2*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	9		2			
2	9		2			
3	9		2			
4	9		3			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR 4

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR 4

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR 4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR 7

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
1.1	Điểm chuyên cần	5%	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CĐR 5 đến CĐR 7
1.2	Điểm kiểm tra giữa học phần	10%	Đạt điểm giữa kỳ tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 4
1.3	Thực hành	25%	Theo quy định của phần thực hành Đạt điểm phần thực hành tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần			
2.1	Trắc nghiệm (SV thi trực tiếp tại HV)	60%	Đạt điểm cuối kỳ tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TK Đạt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quân
Đoàn Công Dụng

Trần Thị Hoài Vân

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCT ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: HOÁ ĐẠI CƯƠNG - VÔ CƠ
- * Tiếng Việt: HOÁ ĐẠI CƯƠNG - VÔ CƠ
- * Tiếng Anh: General – inorganic chemistry
- Mã học phần: CHEM 1002
- Số tín chỉ: 4,0 TC (3LT + 1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 1/5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Hóa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Tiến Dũng	0982396848	vnnguyentindung@gmail.com
2	ThS. Trương Thị Thu Hương	0948949998	NgocTan31081@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Hoài Vân	0984910368	ngohanhthuong@gmail.com
3.	ThS. Đinh Thị Tuyết	0977683717	DinhTuyet0210@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)



Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Hiểu và vận dụng các kiến thức về Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học: Phương pháp lọc, rửa và cất; Xác định số phân tử nước kết tinh trong $\text{CuSO}_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$; Xác định đương lượng của nguyên tố Magnesi; phản ứng oxi hóa khử; phản ứng trong dung dịch điện ly.	[CDR2]; [CDR5]; [CDR6]; [CDR8]	3
MT2	Hiểu và thực hành được các thí nghiệm về kim loại, phi kim.	[CDR2]; [CDR5]; [CDR6]; [CDR8]	3
Kỹ năng			
MT3	Thực hiện chính xác và sử dụng đúng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm hóa đại cương vô cơ.	[CDR2]; [CDR5]; [CDR6]; [CDR8]	3
MT4	Sử dụng các kỹ năng phân tích, so sánh giữa lý thuyết và thực hành để giải thích các thí nghiệm.	[CDR2]; [CDR5]; [CDR6]; [CDR8]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Nhận thức được tầm quan trọng của các bài thực hành.	[CDR2]	3
MT6	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hành. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	[CDR10]; [CDR11]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân

loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Hiểu và vận dụng các kiến thức về Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học: Phương pháp lọc, rửa và cất; Xác định số phân tử nước kết tinh trong $\text{CuSO}_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$; Xác định đương lượng của nguyên tố Magnesi; phản ứng oxi hóa khử; phản ứng trong dung dịch điện ly.	CDR1: Hiểu và vận dụng các kiến thức về Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học: Phương pháp lọc, rửa và cất; Xác định số phân tử nước kết tinh trong $\text{CuSO}_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$; Xác định đương lượng của nguyên tố Magnesi; phản ứng oxi hóa khử; phản ứng trong dung dịch điện ly.
MT2: Hiểu và thực hành được các thí nghiệm về kim loại, phi kim.	CDR2: Hiểu và thực hành được các thí nghiệm về kim loại, phi kim.
Kỹ năng	
MT3: Thực hiện chính xác và sử dụng đúng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm hóa đại cương vô cơ.	CDR3: Thực hiện chính xác và sử dụng đúng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm hóa đại cương vô cơ.
MT4: Sử dụng các kỹ năng phân tích, so sánh giữa lý thuyết và thực hành để giải thích các thí nghiệm.	CDR4: Sử dụng các kỹ năng phân tích, so sánh giữa lý thuyết và thực hành để giải thích các thí nghiệm.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các bài thực hành.	CDR5: Nhận thức được tầm quan trọng của các bài thực hành.
MT6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hành. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	CDR6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hành. CDR7: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Nội dung 1: Nội quy phòng thí nghiệm. - Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học - Phương pháp lọc, rửa và cất	3		3	3	2	2	2
Nội dung 2: - Xác định số phân tử nước kết tinh trong $\text{CuSO}_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$ - Xác định đương lượng của nguyên tố Magnesi	3		3	3	2	2	2
Nội dung 3: Phản ứng oxy hóa khử		3	3	3	2	2	2
Nội dung 4: Phức chất		3	3	3	2	2	2
Nội dung 5: Phản ứng trong dung dịch điện ly – Sự thủy phân		3	3	3	2	2	2
Nội dung 6: pH và dung dịch đệm		3	3	3	2	2	2
Nội dung 7: Phi kim		3	3	3	2	2	2

Nội dung 8: Kim loại		3	3	3	2	2	2
----------------------	--	---	---	---	---	---	---

6. Mô tả học phần– Phân thực hành (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần tập trung vào những thí nghiệm cơ bản nhằm minh họa các kiến thức về lý thuyết phức chất, các phản ứng trong dung dịch chất điện ly, sự thủy phân. Các tính chất cơ bản của kim loại và phi kim.

Từ đó có các kỹ năng cơ bản để học các môn chuyên sâu của ngành dược.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Nội quy phòng thí nghiệm. - Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học - Phương pháp lọc, rửa và cất	4		Chuẩn bị nội dung, tiến hành thực hành và so sánh với nội dung lý thuyết liên quan
- Xác định số phân tử nước kết tinh trong $\text{CuSO}_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$ - Xác định đương lượng của nguyên tố Magnesi	2		
Phản ứng oxy hóa khử	4		
Phức chất	4		
Phản ứng trong dung dịch điện ly – Sự thủy phân	4		
pH và dung dịch đệm	4		
Phi kim	4		
Kim loại	4		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Hóa - Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam.
- Bảng kiểm dạy thực hành hóa học và Bảng kiểm lượng giá thực hành hóa đại cương vô cơ. Lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Hóa đại cương vô cơ (Đại học Dược Hà Nội) (2004), *Thực tập hóa đại cương vô cơ*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1(lớp A)	4 TIẾT/1 TỔ				
2(lớp B)	4 TIẾT/1 TỔ				
3(lớp A)	4 TIẾT/1 TỔ				
4(lớp B)	4 TIẾT/1 TỔ				
5(lớp A)	4 TIẾT/1 TỔ				
6(lớp B)	4 TIẾT/1 TỔ				
7(lớp A)	4 TIẾT/1 TỔ				
8(lớp B)	4 TIẾT/1 TỔ				
9(lớp A)	4 TIẾT/1 TỔ				
10(lớp B)	4 TIẾT/1 TỔ				
11(lớp A)	4 TIẾT/1 TỔ				
12(lớp B)	4 TIẾT/1 TỔ				
13(lớp A)	4 TIẾT/1 TỔ				
14(lớp B)	4 TIẾT/1 TỔ				
15(lớp A)	2 TIẾT/1 TỔ				
16(lớp B)	2 TIẾT/1 TỔ				
17(lớp A)		4 TIẾT/1 TỔ			
18(lớp B)		4 TIẾT/1 TỔ			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7

- Sử dụng các kiến thức lý thuyết và từ các tài liệu cũng như trên thực tế.
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Sinh viên thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kỹ thuật viên Bộ môn.
- Sau mỗi buổi thực hành, sinh viên báo cáo nội dung thực hành với giảng viên hướng dẫn, thực hiện đánh giá cuối buổi thực hành.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ sơ chế, chế biến và đánh giá các vị thuốc trong chương trình giảng dạy.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi thực hành.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các nội dung đánh giá của buổi thực hành và thi kết thúc phần thực hành.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	Điều kiện dự thi kết thúc phần TH	Tham gia dự lớp 100% số tiết học	CDR5 đến CDR7
	Kết quả bài thực hành	20%	≥ 4 (thang điểm 10)	CDR 1 đến CDR 4

2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng		
	Thi thực hành	80%	≥ 4 (thang điểm 10) CDR 1 đến CDR 4

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020.

BAN GIÁM ĐỐC

Tc Duoc

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Paul

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn
Đào Công Bằng

Trần Thị Hoài Vân

Trần Thị Hoài Vân

GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

1

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
SINH HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Sinh học (phần thực hành)
- * Tiếng Việt: Sinh học
- * Tiếng Anh: Biology
- Mã học phần/ mô đun: BIOL 1001.
- Số tín chỉ: 0,5 TC
- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ đại học- năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: tiết
 - + Thực hành: 15 tiết

- + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- + Kiểm tra: tiết
- + Thời gian tự học: 30 giờ.

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Sinh học và Di truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vi Thị Hiếu	0986280525	hieudaotaovatm@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Tố Uyên	0978787666	Dothitouyen76@gmail.com
3	Ths. Phạm Thị Thanh Hương	0983896944	Phhuong08@gmail.com
4	Ths. Trịnh Thị Hào	0967917956	nhuhaotk@gmail.com
5	Ths. Hoàng Thị Thu Phương	0989346833	phuongsinhvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
MT1	<p>1.Sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, noron thần kinh tủy sống, noron thần kinh tiểu não, tinh hoàn.....</p> <p>2.Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa...</p> <p>3. Phân loại được một số động vật liên quan đến Y Dược học.</p>	2	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kỹ năng	
<p>MT1: CDR1. Sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, noron thần kinh tủy sống, noron thần kinh tiểu não, tinh hoàn....</p> <p>CDR2. Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa...</p> <p>CDR 3. Phân loại được một số động vật liên quan đến Y Dược học.</p>	1

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	CDR1	CDR2	CDR3
Chương 1	1		

Chương 2		1	
Chương 3		1	
Chương 4			1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phần thực hành giúp sinh viên sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, neuron thần kinh tủy sống, neuron thần kinh tiểu não, tinh hoàn....

Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa...

Phân loại được một số động vật liên quan đến Y Dược học.

7. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Chương 1. TẾ BÀO		10			10		Đọc trước bài ở nhà. Làm được các tiêu bản và soi trên kính hiển vi
Chương 2. Sự trao đổi chất và năng lượng							
Chương 3. Di							

truyền và biến dị							
Chương 4. Nguồn gốc sự sống và Đa dạng sinh học		5			5		-Phân loại được đặc điểm của động vật liên quan đến Y học
Tổng		15			15		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trường đại học Dược Hà Nội (2013). *Thực tập sinh học đại cương*. Lưu hành nội bộ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y tế (2009). *Công nghệ Sinh học dược.*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[3]. Bộ Y tế (2015), *Sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 11. Hướng dẫn thực hiện

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	Giới thiệu về kính hiển vi quang học Sử dụng kính hiển vi quan sát hình thể tế bào: Q/s: Tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tế bào noron thần kinh tiểu não, Tủy sống		5			

2	Sử dụng kính hiển vi quan sát hình thể tế bào: Tế bào máu, Tinh thể oxalatcancil trong vảy củ hành khô, tinh bột khoai tây, Thí nghiệm co nguyên sinh và phân co nguyên sinh ở tế bào lá sò huyết, HPH Đơn kim, HPH ly		5			
3	Sử dụng kính hiển vi quan sát hình thể tế bào: Nguyên phân rễ hành, tinh hoàn, Động vật liên quan đến Y học Ôn tập, hướng dẫn hình thức thi		5			
	Tổng		15 tiết			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

Hướng dẫn sinh viên sử dụng kính hiển vi quan sát tiêu bản

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có đầy đủ kính hiển vi, dụng cụ, mẫu vật, hóa chất thực hành.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, sinh viên vắng 1 buổi thực hành không được phép dự thi cuối kỳ...).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)	100%		CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

TR. Alex
TRƯỜNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Cảnh
Nguyễn Văn Cảnh
Đào Duy Huy

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Khắc Điền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
SINH HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: DƯỢC SỸ ĐẠI HỌC, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Sinh học
- * Tiếng Việt: Sinh học
- * Tiếng Anh: Biology
- Mã học phần/ mô đun: BIOL 1001.
- Số tín chỉ: 03 TC (2,5 LT; 0,5 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Dược sỹ đại học- năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						Thực tập và khóa luận tốt nghệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 53 tiết
+ Lý thuyết: 38 tiết

- + Thực hành: 15 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 38 tiết
- + Kiểm tra: 1 tiết
- + Thời gian tự học: 75 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Sinh học và Di truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vi Thị Hiếu	0986280525	hieudaotaovtm@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Tố Uyên	0978787666	Dothitouyen76@gmail.com
3	Ths. Phạm Thị Thanh Hương	0983896944	Phhuong08@gmail.com
4	Ths. Trịnh Thị Hào	0967917956	nhuhaotk@gmail.com
5	Ths. Hoàng Thị Thu Phương	0989346833	phuongsinhvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	CDR1 Kiến thức 1. Trình bày được cơ sở khoa học của tế bào vào mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể. Trình bày các hoạt động sống của quá trình: hô hấp, quang hợp, trao đổi chất và năng lượng. 2. So sánh được các quy luật di truyền và ứng dụng trong Y Dược học. Áp dụng được các nguyên lý và ứng dụng một số kỹ thuật di truyền trong Y Dược học	1	1

<p style="text-align: center;">2</p> <p>Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2]</p> <p>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3]</p> <p>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4]</p> <p>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>3. Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm và sự phân loại của giới sinh vật (monera và virus, protista, nấm, thực vật, động vật)</p>		
<p style="text-align: center;">MT2</p>	<p style="text-align: center;">CDR2 Kỹ năng</p> <p>Sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, neuron thần kinh tủy sống, neuron thần kinh tiểu não, tinh hoàn.... Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa... 3. Phân loại được một số động vật liên quan đến Y Dược học.</p>	<p>2</p>	
<p style="text-align: center;">MT3</p>	<p style="text-align: center;"><u>CDR3 Thái độ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăm chỉ, kiên trì, say mê, sáng tạo. - Sẵn sàng đương đầu với khó khăn - Cảm thông, chia sẻ với người bệnh và đồng nghiệp - Áp dụng các nguyên lý và lý thuyết để ra quyết định phù hợp đạo đức, văn hóa, xã hội. 	<p>2</p>	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<p>CDR1 Kiến thức</p> <p>1. Trình bày được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể. Trình bày các hoạt động sống của quá trình: hô hấp, quang hợp, trao đổi chất và năng lượng. 2. So sánh được các quy luật di truyền và ứng dụng trong Y Dược học. Áp dụng được các nguyên lý và ứng dụng một số kỹ thuật di truyền trong Y Dược học</p> <p>3. Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm và sự phân loại của giới sinh vật (monera và virus, protista, nấm, thực vật, động vật)</p>	1
<p>MT2: CDR2 Kỹ năng</p> <p>Sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, neuron thần kinh tủy sống, neuron thần kinh tiểu não, tinh hoàn.... Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa... 3. Phân loại được một số động vật liên quan đến Y Dược học.</p>	2

<p>MT3 <u>CĐR3 Thái độ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăm chỉ, kiên trì, say mê, sáng tạo. - Sẵn sàng đương đầu với khó khăn - Cảm thông, chia sẻ với người bệnh và đồng nghiệp <p>- Áp dụng các nguyên lý và lý thuyết để ra quyết định phù hợp đạo đức, văn hóa, xã hội.</p>	3
---	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1	1		
Chương 2		1	
Chương 3			1
Chương 4			1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần sinh học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Dược học, tạo cơ sở để sinh viên học tiếp các môn học cơ sở. Một ngành khoa học chỉ có sức sống khi biết vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để nâng cao trình độ hơn, tác dụng tốt hơn. Học phần Sinh học đại cương cung cấp những nguyên lý cơ bản nhất của sinh học gồm 4 chương đó là chương I. Tế bào, chương II. Sự trao đổi chất và năng lượng, chương III. Di truyền và biến dị, chương IV. Nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học. Mỗi chương đều có mục tiêu và câu hỏi lượng giá để sinh viên tập trung vào những nội dung cơ bản nhất.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng	học (Giờ)	
Chương 1. TẾ BÀO	8	10			18		Đọc trước bài ở nhà. Thuyết trình chuẩn bị bài theo sự phân công giảng viên, thảo luận nhóm, tự học theo hướng dẫn
Chương 2. Sự trao đổi chất và năng lượng	12				12		
Chương 3. Di truyền và biến dị	12				12		
Chương 4. Nguồn gốc sự sống và Đa dạng sinh học	6	5			11		
Tổng	38	15			53		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Y tế (2014), *Giáo trình Sinh học đại cương.*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y tế (2009). *Công nghệ Sinh học dược.*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[3]. Bộ Y tế (2015), *Sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 11.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1 Chương 1. TẾ BÀO	8					
2 Chương 2. Sự trao đổi chất và năng lượng	12					
3 Chương 3. Di truyền và biến dị	12					
4 Chương 4. Nguồn gốc sự sống và Đa dạng sinh học	6					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

có máy chiếu, phấn, bảng, giảng viên thuyết trình có sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, thảo luận các trường hợp, thảo luận nhóm.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0%		CĐR
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0%		
	Thực hành	100/3=33.3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	200/3=66.7%		CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TR. Đ. Đ. Đ.

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Cường
Đào Công Hưng

Nguyễn Khắc Điền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

Tin học ứng dụng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

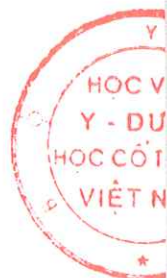
Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, **Mã số đào tạo:** 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học ứng dụng
- * Tiếng Việt: Tin học ứng dụng
- * Tiếng Anh: Applied Informatics
- Mã học phần/ mô đun: INT 1004
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ 1.
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Tin học đại cương, Xác suất thống kê y học



- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: tổ Tin học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
2.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
3.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
4.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
G1	- Kiến thức Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và kiến thức cơ sở về xác suất thống kê y học.	CDR2	1
		CDR10	2
G2	- Kỹ năng Tìm kiếm được tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án. Nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp, và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy	CDR8	1
		CDR5, CDR9	2
		CDR10	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
G3	- Mức độ tự chủ và trách nhiệm Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống	CĐR10, CĐR11	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm tài liệu tham khảo, nhập dữ liệu tham khảo và chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học	CĐR1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin qua Google, trang web nổi tiếng về y học từ đó biết cách nhập liệu vào đề tài nghiên cứu khoa học qua chương trình Endnote và phân tích được bản chất dữ liệu, phân loại dữ liệu, đưa ra phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp qua chương trình SPSS
MT2: Phân tích được bản chất dữ liệu, phân loại dữ liệu, đưa ra phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp	
Kỹ năng	
MT3: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online	CĐR2: cung cấp cho sinh viên kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính

thông qua google doc, google sheet, google slide, google form...	năng chuyên sâu của Google drive
MT4: Cài đặt phần mềm Endnote, biết quản lý tài liệu tham khảo; áp dụng được phần mềm Endnote giúp tự động hóa việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo.	CDR3: Giúp sinh viên trích dẫn, quản lý được tài liệu tham khảo vào chương trình Word.
MT5: Cài đặt phần mềm SPSS, tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy.	CDR4: Sử dụng được phần mềm SPSS để nhập, mã hóa dữ liệu; chuyển file dữ liệu sang dạng Excel, thực hiện phân tích và giải thích được các thống kê suy luận: kiểm định giá trị trung bình, tỷ lệ, tương quan và hồi quy. Từ đó ứng dụng phần mềm vào việc làm báo cáo luận văn, nghiên cứu và một số báo cáo thực tế tại bệnh viện.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.	CDR5: có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống
MT7: có thái độ đúng đắn khi sử dụng các kết quả phân tích dữ liệu trong việc kiểm định các giả thuyết nghiên cứu y dược học.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1. Hệ thống mạng lan & internet	3	3			3

2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2	3			3
3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	2		2		2
4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	2			2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học ứng dụng vào chuyên ngành dược. Cụ thể học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online thông qua google doc, google sheet, google slide, google form..., áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn. Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS. Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y dược học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Hệ thống mạng lan & internet	3 tiết		
1.1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	1 tiết		<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng, trang 3-42, BTHH:</i>
1.2. Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google	2 tiết		

- Một số ứng dụng văn phòng trên Internet			
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	5 tiết		
2.1. Các loại OPACs.	1 tiết		<p><i>Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, trang 43-53, BTTH:</i></p>
2.2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí			
2.3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (Evidence-base medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	2 tiết		
2.4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	2 tiết		
3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	8 tiết		
3.1. Giới thiệu phần mềm	1 tiết		<p><i>Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, trang 54-78, BTTH:</i></p>
3.2. Cài đặt và khởi động Endnote	1 tiết		
3.3. Tạo một thư viện EndNote mới - Nhập thông tin cho một tài liệu tham khảo mới - Nhập tài liệu tham khảo từ file tài liệu đã có trong máy	1 tiết		
3.4. Ứng dụng Endnote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word - Trích dẫn trong khi viết (MS Word 2010) - Chỉnh sửa các loại tài liệu - Sửa đổi các kiểu danh mục tài liệu tham khảo	1.5 tiết		
3.5. Quản lý file EndNote (sắp xếp, tìm kiếm và tạo các nhóm tài liệu)	1.5 tiết		

3.6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word	1 tiết		
3.7. Tìm kiếm trợ giúp trong EndNote	1 tiết		
4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	14 tiết		
4.1. Xử lý dữ liệu trên SPSS - Giới thiệu và cài đặt phần mềm SPSS - Đọc dữ liệu từ những file có sẵn trong SPSS - Lọc dữ liệu - Mã hóa dữ liệu - Làm sạch dữ liệu	3 tiết		<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng, trang 79-139, BTHH:</i>
4.2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả - Tóm tắt dữ liệu bằng bảng tần số - Lập bảng tổng hợp nhiều biến - Tính các đại lượng thống kê mô tả	2 tiết		
4.3. Biểu đồ - Một số loại biểu đồ - Biểu đồ thanh - Biểu đồ gấp khúc, diện tích - Biểu đồ tần số - Biểu đồ hộp và râu	2 tiết		
4.4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến	3 tiết		
4.5. Kiểm định về trung bình - Kiểm định về trung bình một tổng thể - Kiểm định về sự khác nhau của hai trung bình của hai tổng thể khi mẫu độc lập	2 tiết		
4.6. Phân tích phương sai (ANOVA)	2 tiết		
Tổng số	30 tiết		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Tin học, *Tin học ứng dụng*, Học viện y – dược học cổ truyền Việt Nam, (Lưu hành nội bộ).

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Hà Xuân Bộ & Đỗ Đức Lâm, *Hướng dẫn sử dụng phần mềm endnote trong quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo*, Học viện Nông nghiệp Hà Nội(2019).

2. Bộ môn Toán - Tin, *Lý thuyết SPSS và ứng dụng trong Y-sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

3. Bộ môn Toán - Tin, *Thực hành SPSS và ứng dụng trong Y-sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	5					
2	5					
3	5					
4	5					
5	5					
6	5					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Cơ sở vật chất: phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để phần mềm Entnote, SPSS hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: chuẩn bị tất cả các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các buổi thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0%		CĐR ...
	Bài thực hành	0%		
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành trên máy tính	100%	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1 đến CĐR5

BAN GIÁM ĐỐC *Tc Dioc* **TRƯỜNG KHOA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn
Đoàn Công Hùng

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ MÔN/MÔ ĐUN *lanc*

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phí Văn Phương

Phí Văn Phương



GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TOÁN THỐNG KÊ Y DƯỢC
(PHẦN LÝ THUYẾT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCT ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Toán thống kê y dược
- * Tiếng Việt: Toán thống kê y dược
- * Tiếng Anh: Medical statistics math
- Mã học phần/ mô đun: MATH1002
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2,5 tín chỉ lý thuyết / 0,5 tín chỉ thực hành)
- Đối tượng học: Năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương,
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 38 tiết lý thuyết
- + Lý thuyết: 20 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 18 tiết (lý thuyết+bài tập)
- + Kiểm tra: 0 tiết
- + Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: tổ Toán - bộ môn Toán-Tin

2. Thông tin về giảng viên

100% Giảng viên Bộ môn đạt chuẩn.

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Thạc sỹ Phí Văn Phương	0904387179	vnphivanphuong@gmail.com
2.	Tiến sỹ Nguyễn Ngọc Quỳnh	0988900957	ngocquynh37@gmail.com
3.	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	0945112963	dothanh1810@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang	0904336196	thuytrang198210@gmail.com
5.	TS. Trần Thị Vân	0983109980	tranvanem68@yahoo.com.vn
6.	ThS. Trần Thị Phương Dung	0983099802	nguyenvantu17783@gmail.com
7.	ThS. Hoàng Minh Phương	0936936916	nguyenngoctrang18@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT) – Phần Lý thuyết

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR theo cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức	Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản về xác suất và thống kê. Trình bày được khái niệm và công thức đặc trưng của thống kê mô tả và ý nghĩa của chúng. Phân biệt được ước lượng điểm và ước lượng khoảng,	CĐR2, CĐR5	2, 1
	Trình bày các bước của bài kiểm định giả thuyết thống kê; Hiểu và Phân biệt được các dạng bài kiểm định giả thuyết thống kê. -Áp dụng các công thức vào tính xác suất và kiểm định giả thuyết TK	CĐR8, CĐR9	1, 1

Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng. - Giải được các bài toán cơ bản về xác suất có nội dung y sinh học và thực tiễn. - Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. 	<p>CDR2, CDR5 CDR8, CDR9</p>	<p>2, 1 1, 1</p>
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Đi học đầy đủ, trên lớp tập trung, chú ý; - Làm các bài tập về nhà và đảm bảo số giờ tự học ở nhà. - Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức được học vào quá trình nghiên cứu khoa học và các môn học khác... để giúp ích bản thân, công việc và Xã hội. 	<p>CDR 11</p>	<p>2</p>

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR_h)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản về xác suất và thống kê.	CDR_h1: Sinh viên hiểu một số kiến thức cơ bản về xác suất, thống kê
MT2: Trình bày được khái niệm và công thức đặc trưng của thống kê mô tả và ý nghĩa của chúng. Phân biệt được ước lượng điểm và ước lượng khoảng,	
MT3: Trình bày các bước của bài kiểm định giả thuyết thống kê;	CDR_h2: Sinh viên hiểu và thực hiện được một số dạng bài kiểm định giả thuyết thống kê
MT4: Hiểu và Phân biệt được các dạng bài kiểm định giả thuyết thống	

kê.	
MT6: Áp dụng được các công thức, tính chất để tính xác suất và kiểm định giả thuyết thống kê	CDR_h4: Sinh viên biết áp dụng các công thức, tính chất để tính xác suất và kiểm định giả thuyết thống kê
Kỹ năng	
MT7: Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng.	CDR_h5: Sinh viên có kỹ năng tính được các tham số mẫu và hiểu ý nghĩa của chúng
MT8: Trình bày được các bước của bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.	CDR_h6: Sinh viên hiểu và trình bày được các bước của bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT11: Đi học đầy đủ, trên lớp tập trung, tích cực; chủ động, tự giác làm các bài tập về nhà và đảm bảo số giờ tự học ở nhà.	CDR_h9: Sinh viên có thái độ đúng đắn và nghiêm túc trong học tập cũng như công việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (Lý thuyết)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun								
	CDR_h1	CDR_h2	CDR_h3	CDR_h4	CDR_h5	CDR_h6	CDR_h7	CDR_h8	CDR_h9
1. Các kiến thức cơ bản về xác suất.	3	1	1	3	1	1	1	1	2
2. Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục	3	2	1	3	1	1	2	1	3
3. Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên	3	1	1	3	1	1	2	1	2

rời rạc									
4. Giá trị trung tâm và biến thiên	3	2	1	3	3	1	2	1	3
5. Khoảng tin cậy và Bài toán Kiểm định giả thuyết thống kê	3	2	1	3	1	3	2	1	2
6. Kiểm định một giá trị trung bình	3	3	2	2	1	1	3	1	3
7. So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn	3	3	2	2	1	1	3	1	2
8. Kiểm định một tỷ lệ	3	3	2	2	1	1	3	1	2
9. So sánh tỷ lệ và kiểm định tính độc lập	3	3	2	2	1	1	3	1	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Trang bị các kiến thức Toán phục vụ cho thống kê Y, dược. Khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết, so sánh các mẫu quan sát và vận dụng kiến thức đó vào giải các bài toán liên quan y, dược.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (Lý thuyết)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
1. Các kiến thức cơ bản về xác suất.	4	0	4	8		
2. Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục	2	0	2	4		
3. Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc	2	0	2	4		
4. Giá trị trung tâm và biến thiên	2	0	2	4		
5. Khoảng tin cậy và Bài toán Kiểm định giả thuyết thống kê	2	0	2	4		
6. Kiểm định một giá trị trung bình	1	0	1	2		
7. So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn	3	0	2	5		
8. Kiểm định một tỷ lệ	1	0	1	2		
9. So sánh tỷ lệ và kiểm định tính độc lập	3	0	2	5		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bài giảng Xác suất Thống kê Y dược (Lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK) (Nhà sách ĐH Y Hà nội, Thư viện HV YDHCTVN)

1. Đặng Đức Hậu, *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2008.
2. Trường Đại học Y tế Công cộng, *Giáo trình thống kê Y tế Công cộng (Phần 1: Thống kê cơ bản)*, Nhà xuất bản Y học, 2005.
3. Trường Đại học Y tế Công cộng, *Giáo trình thống kê Y tế Công cộng (Phần 2: Phân tích số liệu)*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	6		6			
2	6		6			
3	8		4			
4	0		2			

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùmg cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: Ngoài giảng đường học lý thuyết thì phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để phần mềm SPSS hoạt động ổn định.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun (CĐR_h)
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR_h9
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		CĐR_h1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
	Thực hành	1/3	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR_h1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	2/3	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR_h1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần = (điểm thực hành + điểm thi kết thúc học phần x2):3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TK Khoa

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Tuấn
Đoàn Công Thủy

Phạm Văn Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TOÁN THỐNG KÊ Y DƯỢC
(PHẦN THỰC HÀNH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598..... ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Toán thống kê y dược
- * Tiếng Việt: Toán thống kê y dược
- * Tiếng Anh: Medical statistics math
- Mã học phần/ mô đun: MATH1002
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2,5 tín chỉ lý thuyết / 0,5 tín chỉ thực hành)
- Đối tượng học: Năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương,
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
- + Thực hành : 13 tiết
- + Kiểm tra: 2 tiết (thực hành)



+ Thời gian tự học: 0 giờ (bỏ)

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Tổ Toán - bộ môn Toán-Tin

2. Thông tin về giảng viên

100% Giảng viên Bộ môn đạt chuẩn.

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Phí Văn Phương	0904387179	vnphivanphuong@gmail.com
2	Tiến sỹ Nguyễn Ngọc Quỳnh	0988900957	ngocquynh37@gmail.com
3	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	0945112963	dothanh1810@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang	0904336196	thuytrang198210@gmail.com
5	TS. Trần Thị Vân	0983109980	tranvanem68@yahoo.com.vn
6	ThS. Trần Thị Phương Dung	0983099802	nguyenvantu17783@gmail.com
7	ThS. Hoàng Minh Phương	0936936916	nguyenngoctrang18@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT) – Phần Thực hành

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức	Trình bày được các bước xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y dược	CĐR2, CĐR5 CĐR8, CĐR9	1, 1 1, 1
Kỹ năng	- Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. - Xử lý được số liệu trên phần mềm máy tính SPSS và phiên giải được kết quả.	CĐR2, CĐR5 CĐR8, CĐR9	2, 1 1, 1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	- Đi học đầy đủ, trên lớp tập trung, chú ý; - Làm các bài tập về nhà và đảm bảo số giờ tự học ở nhà. - Có thái độ tích cực trong việc vận dụng		

Kiến thức được học vào quá trình nghiên cứu khoa học và các môn học khác... để giúp ích bản thân, công việc và xã hội.	CDR 11	2
--	--------	---

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR_h) – Phần Thực hành

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT5(MT_TH1): Trình bày được các bước xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y dược	CDR_h3: Sinh viên hiểu thao tác, biết áp dụng kiến thức xác suất thống kê vào phiên giải kết quả khi xử lý số liệu trong nghiên cứu y dược
Kỹ năng	
MT9(MT_TH2): Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.	CDR_h7: Sinh viên hiểu và biết cách lựa chọn kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.
MT10(MT_TH3): Xử lý được số liệu trên phần mềm máy tính SPSS và phiên giải được kết quả.	CDR_h8: Sinh viên thực hiện được các lệnh mô tả và phân tích dữ liệu trên phần mềm SPSS, biết đọc số liệu và phiên giải kết quả.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT11(MT_TH4): Đi học đầy đủ, trên lớp tập trung, tích cực; chủ động, tự giác làm các bài tập về nhà và đảm bảo số giờ tự học ở nhà.	CDR_h9: Sinh viên có thái độ đúng đắn và nghiêm túc trong học tập cũng như công việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (Phần Thực hành)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun								
	CDR_h1	CDR_h2	CDR_h3	CDR_h4	CDR_h5	CDR_h6	CDR_h7	CDR_h8	CDR_h9
Bài TH1. Giới thiệu SPSS và Quản lý số liệu		2	3	1	1	1	3	3	2
Bài TH2. Thống kê mô tả với biến định lượng và định tính	2	3	3	1	2	1	3	3	2
Bài TH3. Kiểm định với biến định lượng (So sánh trung bình)	2	3	3	1	2	1	3	3	3
Bài TH4. Kiểm định với biến phân loại (So sánh tỉ lệ)	2	3	3	1	2	1	3		3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun) –Phần Thực hành

Trang bị các kiến thức thống kê y tế, thống kê mô tả trong SPSS; cách lựa chọn loại kiểm định giả thuyết thống kê và sử dụng phần mềm SPSS xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (Phần Thực hành)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bài TH1.Giới thiệu SPSS và Quản lý số liệu	0	1	1	2		
Bài TH2.Thống kê mô tả với biến định lượng và định tính	0	3	2	5		
Bài TH3.Kiểm định với biến định lượng (So sánh trung bình)	0	2	2	4		
Bài TH4.Kiểm định với biến phân loại (So sánh tỉ lệ)	0	2	2	4		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Toán – Tin .*Bài giảng Xác suất Thống kê Y dược (Lưu hành nội bộ)*. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ Y tế (2011), *Bài tập xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[2]. Bộ môn Y tế công cộng (2022), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học Y học cơ bản*. Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam.

[3] Bộ Y tế (2025), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)	Sinh viên
------	--------------------------	-----------

	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	tự học, tự nghiên cứu (giờ)
1	1		1			
2	3		2			
3	2		2			
4	2	2				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: Ngoài giảng đường học lý thuyết thì phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để phần mềm SPSS hoạt động ổn định.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun (CĐR_h)
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR_h9
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		CĐR_h1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
	Thực hành	1/3	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR_h1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	2/3	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR_h1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần = (điểm thực hành + điểm thi kết thúc học phần x2):3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đâu Xuân Cảnh

Nguyễn Văn Cảnh
Nguyễn Văn Cảnh
Đâu Xuân Cảnh

Phu Văn Phương